

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh – đầu tư năm 2024
và Kế hoạch sản xuất kinh doanh – đầu tư năm 2025

Kính trình Đại hội đồng cổ đông

Năm 2024 đã khép lại, Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (TMP) trải qua 17 năm hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần, Ban lãnh đạo và CBCNV TMP đã phát huy tối đa những thế mạnh để đạt được nhiều thành tựu trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

Công ty đã triển khai quyết liệt, có trọng tâm các giải pháp thực hiện hoàn thành nhiệm vụ được giao, luôn nhận được sự hỗ trợ của Cổ đông lớn và Chính quyền địa phương các cấp, Hội đồng quản trị Công ty. Ban điều hành cùng với đội ngũ CBCNV đã nỗ lực đoàn kết, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra trong năm 2024.

Ban điều hành Công ty luôn nhận thức rõ trách nhiệm trước Cổ đông, mọi hoạt động của Ban điều hành luôn theo sát định hướng của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, của Hội đồng quản trị với mục tiêu đảm bảo mang lại hiệu quả cao nhất và sự phát triển bền vững của Công ty.

Trong kỳ Đại hội thường niên lần này, Đại hội sẽ đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu của năm 2024, định hướng và đề ra các giải pháp triển khai nhiệm vụ kế hoạch năm 2025 cho Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ.

Phần I

Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 2024

A. Sản xuất kinh doanh

1. Kết quả sản xuất điện

Trong năm 2024, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty nhìn chung đều hoàn thành so với kế hoạch, cụ thể như sau::

1.1. Nhà máy Thủy điện Thác Mơ

Tình hình thủy văn, lưu lượng về hồ khả quan hơn dự báo năm 2024. Tuy nhiên, để đảm bảo an ninh năng lượng cho các tháng cuối mùa khô, đồng thời thực hiện theo chỉ đạo của EVN và EVNGENCO2, Công ty đã chủ động lập kế hoạch khai thác hợp lý nhằm duy trì mực nước hồ cao vào cuối tháng 03 (tháng 01, tháng 02 và tháng 03 chạy phát vừa phải đáp ứng nhu cầu năng lượng). Bên cạnh đó, Công ty luôn bám sát thị trường, thường xuyên cập nhật tính toán, bám sát tình hình diễn biến thủy văn, dự báo lưu lượng nước về hồ Thác Mơ để lập kế hoạch khai thác tối ưu hồ chứa, đảm bảo công tác tham gia Thị trường với giá chào tối ưu và đạt doanh thu cao nhất có thể, kết quả sản xuất đạt được cụ thể như sau:

Stt	Nội dung	Đvt	Kế hoạch	Thực hiện 2024	Tỷ lệ TH/KH
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)
1	Sản lượng điện đầu cực	GWh	647,00	748,60	116%
2	Sản lượng điện giao nhận	GWh	641,72	743,10	116%
3	Lưu lượng về	m3/s	88,10	103,40	117%
4	Lưu lượng xả	m3/s	-	2,50	
5	Mực nước hồ cuối kỳ	m	216,00	216,06	

1.2. Nhà máy Điện mặt trời Thác Mơ 50 MWp

Stt	Nội dung	Đvt	Kế hoạch	Thực hiện 2024	Tỷ lệ TH/KH
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)
1	Sản lượng điện đầu cực	GWh	76,00	72,03	95%
2	Sản lượng điện giao nhận	GWh	75,40	71,50	95%

Sản lượng điện sản xuất của Nhà máy Điện mặt trời Thác Mơ không đạt sản lượng thiết kế do: Nhà máy phải điều tiết cắt giảm công suất phát theo tình hình chung của hệ thống (thừa nguồn phát vào cao điểm nắng); Diễn biến thời tiết có nhiều mây, ít nắng trong mùa khô làm giảm bức xạ trong khu vực Nhà máy so với thiết kế.

2. Kết quả kinh doanh

2.1. Kết quả kinh doanh TMP

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)
1	Sản lượng điện SX	GWh	723,00	820,66	113%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	642,17	750,28	117%
	- SXKD thủy điện	Tỷ đồng	434,34	521,38	120%
	- SXKD ĐMT	Tỷ đồng	126,28	123,03	97%
	- Hoạt động tài chính	Tỷ đồng	60,18	90,20	150%
	- Doanh thu khác	Tỷ đồng	21,37	15,67	73%
3	Chi phí	Tỷ đồng	357,39	331,43	93%
	Chi phí SXKD điện	Tỷ đồng	340,17	319,24	94%
	Chi phí khác	Tỷ đồng	17,22	12,19	71%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	284,78	418,85	147%
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Tỷ đồng	42,82	66,32	155%
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	241,96	352,53	146%
7	Tỷ suất lợi nhuận/VĐL	%	34,60	50,36	146%

2.2. Công tác sửa chữa thường xuyên thiết bị, công trình

Trong năm 2024, Công ty đã triển khai thực hiện sửa chữa thường xuyên các thiết bị như sau:

Stt	Thiết bị	Kế hoạch	Thực hiện
1	SCTX tổ máy H1	03/01-01/02	03/01-26/01
2	SCBD tổ máy H1	18/05-24/05	18/05-24/05
3	Xử lý xì dầu ổ đỡ H1		26/05-28/05
4	Xử lý xì dầu ổ đỡ H1		19/06-09/07
5	SCBD tổ máy H2	22/02-28/02	22/02-28/02
6	SCBD tổ máy H2	01/06-30/06	01/7-09/07

3. Tình hình nộp ngân sách Nhà nước

Đvt: tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Tỷ lệ TH/KH
1	Thuế giá trị gia tăng	44,85	45,25	101%
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	42,82	66,23	155%

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Tỷ lệ TH/KH
3	Thuế tài nguyên	64,41	75,52	117%
4	Phí môi trường rừng	23,11	26,77	116%
5	Phí cấp quyền khai thác TNN	8,35	8,35	100%
6	Tiền thuê đất	1,50	1,56	104%
7	Thuế khác (TNCN, môn bài...)	2,50	6,05	242%
Tổng cộng		187,53	229,71	122%

4. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	KH 2024	TH 2024	Đánh giá
1	Hệ số khả dụng	%	89,46	90,90	Đạt
2	Tỷ lệ ngừng máy do sự cố	%	0,40	0	Đạt
3	Tỷ lệ ngừng máy bảo dưỡng	%	10,14	9,10	Đạt
4	Suất sự cố		0,5	0	Đạt
5	Tỷ lệ điện tự dừng	%	0,83	0,69	Đạt

5. Giá cổ phiếu và tỷ lệ chi trả cổ tức

5.1 Giá cổ phiếu

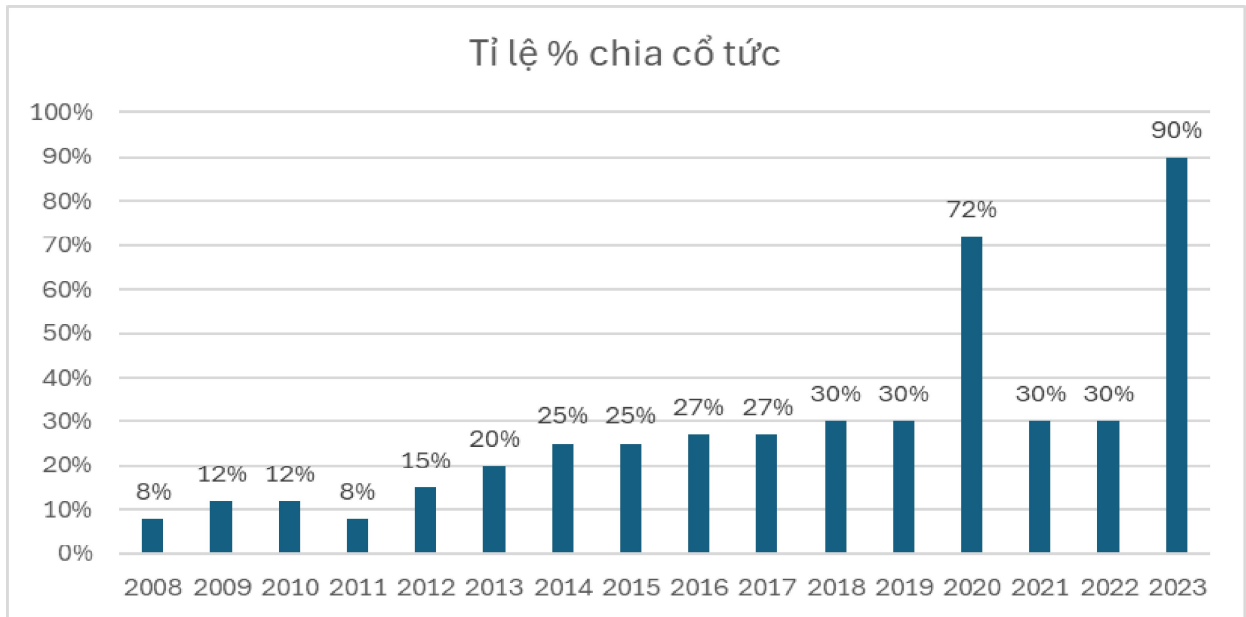
Giá cổ phiếu của Công ty có xu hướng tăng qua các năm, biểu đồ giá cổ phiếu của Công ty từ ngày 01/04/2009 đến ngày 01/04/2025 như sau:



Nguồn: <https://s.cafef.vn/>

5.2 Tỷ lệ chi trả cổ tức

Tỷ lệ chi trả cổ tức trung bình từ năm 2008-2023 là 29% và có xu hướng tăng qua các năm, cụ thể theo biểu đồ dưới đây:



B. Đầu tư mua sắm tài sản

Stt	Hạng mục	Thực hiện 2024
1	Thiết bị thử nghiệm điện trở 01 chiều	Đã hoàn thành
2	Fly cam trang bị Camera nhiệt	Đã hoàn thành
3	Modul mở rộng của Hộp bộ thí nghiệm cao áp tần số thấp thử nghiệm PD cáp ngầm trung thế	Đã hoàn thành
4	Thiết bị đo điện trở động OLTC	Đã hoàn thành
5	Thiết bị mở rộng CP-TD15 và cuộn kháng CP-CR600 dùng đo tan MF	Đã hoàn thành
6	Lắp hệ thống chống sét chủ động CNN, Đập tràn	Đã hoàn thành
7	Thiết bị thử cao áp ALT-210/50F và phụ kiện tiêu chuẩn kèm theo	Đã hoàn thành
8	Máy đo điện trở tiếp đất & điện trở suất đất	Đã hoàn thành
9	Nâng cấp hệ thống điện 220 VDC	Đã hoàn thành
10	Thiết bị giám sát phóng điện cục bộ mát phát (01 tổ máy)	Đã hoàn thành
11	Thiết bị giám sát rung đảo máy phát (01 tổ máy)	Đã hoàn thành
12	Thiết bị phát sóng WIFI Chuẩn AC	Đã hoàn thành
13	Thiết bị Hội nghị truyền hình (trang bị phòng họp B Vp HCM)	Đã hoàn thành
14	Hệ thống phân tán sét và tiếp địa trạm 110kV	Đã hoàn thành
15	Xe ô tô 7 chỗ	Đã hoàn thành
16	Xe ô tô 19-20 chỗ Dcar Limousin	Đã hoàn thành

C. Ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số

Trong năm 2024, Phần mềm Quản lý kế hoạch và phần mềm quản lý kinh doanh thị trường điện do các Cán bộ của Công ty xây dựng và phát triển đã được Tập đoàn Điện lực Việt Nam công nhận là sáng kiến cấp Tập đoàn, Công ty đang tiếp tục triển khai các đề tài sau:

Stt	Hạng mục	Thực hiện năm 2024
1	Phần mềm Dự báo lưu lượng về hồ (ứng dụng công nghệ AI vào phần mềm dự báo lưu lượng nước về hồ TĐ Thác Mơ)	Đã ký hợp đồng
2	Nâng cấp Hệ thống Camera analog giám sát hiệu quả thiết bị công trình	Đã ký hợp đồng
3	Ứng dụng chạy trên IOS và Android phần mềm phục vụ SXKD giai đoạn 1	Đã hoàn thành
4	Phần mềm Quản lý vật tư thiết bị bằng công nghệ mã vạch	Đã hoàn thành
5	Số hóa hồ sơ lưu trữ thư viện	Chuyển tiếp năm 2025

D. Đầu tư xây dựng

1. Cụm dự án ĐMT Thác Mơ 375MWp - Giai đoạn 2

Cụm dự án đã được đưa vào danh sách các dự án tiềm năng của Quy hoạch điện VIII. Tại Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 24/11/2023 về Quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn 2050, dự án đã được đưa vào giai đoạn năm 2021-2030.

2. Nhận chuyển giao Nhà máy Thủy điện Thác Mơ mở rộng

Dự án đã được phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành theo Quyết định số 1614/QĐ-EVN ngày 19/12/2018 của EVN với tổng giá trị đầu tư được quyết toán là 1.046 tỷ đồng. TMP đã thực hiện tốt công tác đào tạo, bố trí lực lượng vận hành hợp lý, xây dựng quy trình vận hành bảo dưỡng, làm chủ công tác vận hành an toàn, ổn định đảm bảo theo yêu cầu của Điều độ A0. Công ty đang tiếp tục làm việc và bám sát các Ban của EVN để sớm có chủ trương về chuyển giao Nhà máy theo quy định.

Căn cứ vào Kế hoạch triển khai Đề án tái cơ cấu lại EVN giai đoạn đến hết năm 2025 ban hành kèm Quyết định số 179/QĐ-HĐTV ngày 19/11/2024 thì: Đối với nhà máy Thủy điện Thác Mơ mở rộng tiếp tục duy trì quản lý vận hành NMTĐ Thác Mơ MR trong thời gian tới; trước mắt tổ chức quản lý vận hành NMTĐ Thác Mơ MR theo Quy định (Bao gồm việc thuê đơn vị vận hành NMTĐ Thác Mơ MR). Do đó, trong năm 2024 chưa chuyển Thủy điện Thác Mơ MR về TMP.

3. Các dự án nguồn điện khác

Công ty đã thực hiện các thủ tục đánh giá hiệu quả đầu tư các nhà máy Thủy điện

như: Dự án Thủy điện Đức Thành (40MW), Nhà máy thủy điện ĐamBri 1 công suất 7,5MW; Thủy điện Pleikeo công suất 10,5MW; Thủy điện Pleikan 17MW

4. Văn phòng làm việc Tp.Hồ Chí Minh

Nhằm đáp ứng được các mục tiêu phát triển mới của Công ty. Tạo điều kiện phát triển nguồn nhân lực cũng như thu hút lao động chất lượng cao. Công ty đã thuê và khai trương văn phòng làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 19/05/2022 tại tầng 08, tòa nhà Etown 1, đường Cộng Hòa, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh. Hiện tại, Công ty đang lập kế hoạch triển khai các thủ tục đầu tư văn phòng làm việc tại Tp. Hồ Chí Minh để trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

E. Đầu tư góp vốn

Trong năm 2024, Công ty không có phát sinh đầu tư góp vốn. Giá trị đầu tư góp vốn vào các Công ty đến hết năm 2024 như sau:

Đvt: Tỷ đồng

Stt	Tên công ty	Vốn góp đến hết 2024	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ chia cổ tức (%)
I	Công ty con			
1	CTCP Thủy điện Đắkrosa	48,93	61,17%	18,0%
2	CTCP Mỹ Hưng Tây Nguyên	137,20	99,78%	8,0%
II	Công ty liên kết			
1	CTCP Phong điện Thuận Bình	100,00	20,00%	30,0%
2	CTCP Đầu tư khai thác Hồ ĐĐ Thác Mơ	1,16	29,00%	-
III	Đầu tư dài hạn khác			
1	Công ty CP Nhiệt điện Quảng Ninh	149,58	3,00%	17,5%
2	Công ty CP Cơ điện điện lực Đồng Nai	1,28	10,00%	7,0%
Tổng cộng		438,15		

F. Công tác khác

I. Công tác tổ chức và nhân sự

- Về lao động: Tính đến 31/12/2024, số lượng CBCNV Công ty là 114 người (gồm TMHH và TMMR). Trong năm, TMP không thực hiện tuyển dụng lao động sản xuất điện theo chỉ đạo của EVNGENCO2 tại Văn bản số 1283/EVNGENCO2-TCNS+TH+KH ngày 3/4/2024.

- Về cán bộ: Trong năm 2024, TMP đã thực hiện kiện toàn các vị trí như sau:

- ✓ Kéo dài thời hạn giữ chức vụ: 01 người (01 Phó Tổng giám đốc).
- ✓ Bổ nhiệm lại Phó Trưởng đơn vị: 02 người (01 PTP.TCKT; 01 PQĐ.PXVH).

✓ Cử lại Người đại diện phần vốn tại Công ty con, Công ty liên kết: 02 người (01 Người đại diện tại Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình và 01 Người đại diện tại Công ty Cổ phần Cơ điện - Đồng Nai) .

✓ Thực hiện chuyển đổi vị trí công tác: 02 người (01 PTP.KTAT; 01 PTP.KHVT)

✓ Bổ nhiệm lại Người phụ trách Quản trị kiêm Thư ký Công ty: 01 người

Ngoài ra, TMP còn thông qua chủ trương bổ nhiệm lại 01 Kế toán trưởng tại Công ty Cổ phần Thủy điện Đắkrosa.

II. Đào tạo phát triển nguồn nhân lực

Năm 2024, Công ty đã hoàn thành chỉ tiêu về đào tạo do Công ty mẹ giao. Cụ thể Công ty đã tổ chức, cử CBCNV tham gia đào tạo đạt 3.653 lượt người tham gia với tổng chi phí 1,37 tỷ đồng, trong đó:

❖ Các khóa ngắn hạn do Công ty mẹ tổ chức có 1.417 lượt người tham gia, cụ thể:

✓ Các khóa học ngắn hạn, dài hạn do Công ty tổ chức: 1.364 lượt, gồm các lớp như An toàn vệ sinh lao động; đào tạo nội bộ về công tác vận hành, sửa chữa thiết bị trong nhà máy điện; đào tạo nâng bậc, thi nâng bậc; đào tạo giữ bậc; PCCC; Sơ cấp cứu ban đầu ; Quản trị công ty ; Giảng viên nội bộ;

✓ Các khóa học do Công ty mẹ tổ chức: 53 lượt, gồm lớp Quản lý cấp 3, cấp 4; Thị trường bán buôn điện cạnh tranh; Điều phối viên RCM; Luật đấu thầu; Ứng dụng trí tuệ nhân tạo phục vụ thiết kế xây dựng thẩm tra bài giảng E-learning và Microlearning; An ninh mạng; Trực quan hóa dữ liệu – Data Visualization; Quản lý dữ liệu lớn - Bigdata; Pháp chế; Khóa đào tạo về Thị trường điện; Khóa đào tạo, tập huấn về cơ chế DPPA.

✓ Tổ chức đào tạo trên phần mềm E-elearning: Công ty đã tạo bài giảng, tổ chức học trên phần mềm E-elearning với 2.236 lượt CBCNV tham gia đạt yêu cầu; các khóa đào tạo như: Hướng dẫn đánh giá năng lực; Văn hóa an toàn ; Hướng dẫn sử dụng các hàm thông dụng trong Excel; Đào tạo nhận thức An toàn An ninh thông tin; Các nội dung sinh hoạt đầu giờ khi bắt đầu công việc để đảm bảo an toàn; Nhận thức về chuyển đổi số cho CBCNV ngành Điện; Phổ biến Văn hóa doanh nghiệp EVN; Huấn luyện sơ cứu, cấp cứu tại nơi làm việc;,...Năm 2024, số lượt trung bình của Công ty đạt 19,79 lượt/người, vượt chỉ tiêu do Công ty mẹ giao.

- Đặc biệt trong năm, cử 04 cán bộ tham gia tập huấn, học tập tại nước ngoài: Chương trình HĐQT quốc tế tại Singapore 02 cán bộ; Hội nghị khách hàng về giải pháp công nghệ tại Indonesia 01 cán bộ; tham gia học bổng ngắn hạn Manaaki New Zealand - Quản lý dự án năng lượng tái tạo ASEAN 2024-2025 01 cán bộ.

III. Công tác truyền thông

Trên cơ sở Kế hoạch truyền thông của EVN/EVNGENCO2 đã ban hành, TMP đã xây dựng kế hoạch truyền thông cụ thể, phù hợp bám sát kế hoạch năm 2024 của TMP và nhiệm vụ Chủ đề năm.

Công tác thông tin tuyên truyền về hoạt động được TMP quan tâm thực hiện, bám sát các vấn đề quan tâm của dư luận và đạt được một số kết quả tích cực.

Tăng cường phối hợp, hợp tác với các cơ quan thông tấn báo chí, chủ động cung cấp thông tin nên đã từng bước định hướng được dư luận, hạn chế thông tin bất lợi. Trong năm 2024, không để xảy ra khủng hoảng truyền thông.

Công tác tuyên truyền, phối hợp với các địa phương ở hạ du trong việc điều tiết nước mùa khô, cũng như cảnh báo sớm việc vận hành xả nước điều tiết trong mùa mưa bão được đặc biệt chú trọng thực hiện nhằm giúp người dân hiểu rõ hơn về vai trò tích cực của Nhà máy Thủy điện. Mặt khác, nhờ có sự quan tâm sát sao của các cấp Lãnh đạo và sự linh hoạt, chủ động, tuân thủ nghiêm các quy trình điều tiết hồ chứa của lực lượng vận hành đã góp phần giảm mặn trong mùa khô và cắt lũ trong mùa mưa. Qua đó, tạo được sự chia sẻ, đồng thuận của các tầng lớp nhân dân và được Quốc hội, các bộ ngành, các cấp chính quyền địa phương đánh giá cao trong công tác vận hành hồ chứa thủy điện.

Số liệu về tin bài đăng trên Website Công ty, Website EVNGENCO2 và cơ quan thông tấn báo chí năm 2024 là 292 tin bài, trong đó tin bài theo hợp đồng truyền thông với các cơ quan báo chí là 80 tin bài, vượt chỉ tiêu so với kế hoạch EVNGENCO2 giao, cụ thể như bảng sau:

Stt	Nội dung	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Tổng số tin bài theo Hợp đồng truyền thông năm 2024	58	80	138%	Tổng 80 tin bài, trong đó đăng trên Kênh 01, 02 là 78 bài
	Trong đó:				
	- Đăng trên kênh 01 ít nhất là	15	18	120%	
	- Đăng trên kênh 02 ít nhất là	15	60	400%	
	- Đăng trên kênh 03		2		
2	Tổng số tin bài về CDS	6	8	133%	

IV. Công tác an sinh xã hội

Công tác an sinh xã hội cũng là một trong các công tác trọng tâm luôn được TMP chú trọng thực hiện tốt nhằm thực thi trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Năm 2024, Công ty đã thực hiện các chương trình an sinh xã hội với tổng giá trị là 798 triệu đồng với các hoạt động an sinh xã hội nổi bật như:

- Hỗ trợ đồng bào nghèo trên địa bàn tỉnh Bình Phước đón tết Nguyên đán;
- Hỗ trợ công tác an sinh xã hội tại huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước: Lắp đặt 01 hệ thống lọc nước RO tại Trường phổ thông Dân tộc Nội trú THCS và THPT Điều Ong ở thị trấn Đức Phong; Thăm hỏi và tặng quà 01 Mẹ Việt Nam Anh hùng, 85 thương binh nặng và 80 hộ đồng bào khó khăn.
- Hỗ trợ công tác an sinh xã hội tại thị xã Phước Long và huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước: Lắp đặt 02 hệ thống lọc nước RO công suất 300 lít/giờ phục vụ cán bộ, chiến sĩ, giáo viên, học sinh, đồng bào dân tộc thiểu số tại Trường Mẫu giáo Ánh Dương, huyện Bù Gia Mập và Ban Chỉ huy Quân sự thị xã Phước Long; Thăm hỏi và tặng quà Mẹ Việt Nam Anh hùng, thương bệnh binh và học sinh khó khăn.
- Hỗ trợ đồng bào miền Bắc bị bão lũ.

Ngoài ra, Công đoàn Công ty còn thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội như: Thăm hỏi và tặng quà cho các gia đình thương binh, chính sách nhân dịp Tết cổ truyền và Ngày kỷ niệm Thương binh Liệt sĩ; Vận động CBCNV đóng góp để ủng hộ cho CBCNV có hoàn cảnh khó khăn điều trị bệnh hiểm nghèo, qua đó thể hiện tinh thần tương thân tương ái, một truyền thống quý báu của dân tộc

V. Công tác thi đua khen thưởng

Quán triệt các chủ trương, đường lối của Đảng, các chính sách pháp luật của Nhà nước, Chính quyền và Công đoàn Công ty đã phát động phong trào thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm 2024, TMP luôn xác định công tác, thi đua khen thưởng là nhiệm vụ quan trọng, liên tục và kịp thời ban hành văn bản hướng dẫn công tác Thi đua - Khen thưởng cho phù hợp với tình hình thực tế. Qua việc khen thưởng kịp thời và nhân rộng các tấm gương điển hình tiên tiến, TMP đã góp phần tăng thêm nhận thức của cán bộ, người lao động trong việc nâng cao năng suất lao động, sáng tạo vì mục tiêu phát triển chung của TMP.

Năm 2024, Công ty đạt danh hiệu Cờ thi đua EVN, có 10 tập thể đạt danh hiệu tập thể lao động xuất sắc, 20 chiến sỹ thi đua cơ sở, có 05 tập thể và 18 cá nhân được đề xuất từ Giấy khen của EVNGENCO2 trở lên, cụ thể:

- ✓ Cờ thi đua EVN: Tập thể Công ty 01;
- ✓ Bằng khen của UBQLV: Cá nhân: 07;
- ✓ Bằng khen của EVN: Tập thể: 01, Cá nhân: 01;
- ✓ Giấy khen của EVNGENCO2: Tập thể: 04, Cá nhân: 10;
- ✓ Tập thể lao động xuất sắc: Tập thể: 10;
- ✓ Chiến sỹ thi đua cơ sở: 20 người.

Thường xuyên phối hợp công đoàn và các phòng ban đề xuất xét tặng khen thưởng kịp thời cho các tập thể, cá nhân có thành tích trong các hoạt động SXKD, xây

dựng và phát triển Công ty, như hoạt động phát huy sáng kiến, công tác bảo hộ lao động, duy trì hệ thống quản lý chất lượng ISO, xây dựng VHDN, v.v...; Thực hiện khen thưởng CBCNV các dịp lễ tết và tổ chức xét thi đua khen thưởng tổng kết năm đúng quy định.

PHẦN II

KẾ HOẠCH NĂM 2025

Căn cứ vào tình hình thực hiện kế hoạch năm 2024, tình trạng thiết bị, công trình và các nhận định về khí tượng thủy văn của Đài khí tượng thủy văn Quốc gia để xây dựng kế hoạch năm 2025 như sau:

➤ Về tình hình thời tiết

Căn cứ vào bản tin dự báo thời tiết mùa từ tháng 04 đến tháng 09/2024 (bản tin số 142/KTHM-03/12h00/DBQG-DBKH, ngày 14/03/2025) và bản tin dự báo thời tiết tháng 04 (từ ngày 01 đến ngày 30/04), theo đó:

- Hiện tượng El-Nino đang trong trạng thái trung tính với chuẩn sai nhiệt độ mặt nước biển khu vực xích đạo trung tâm Thái Bình Dương ở mức xấp xỉ so với TBNN trong tuần đầu tháng 3/2025. Từ tháng 4 đến tháng 6/2025, ENSO có khả năng duy trì trạng thái trung tính với xác suất từ 70-80%.

- Nắng nóng: Nắng nóng diện rộng có khả năng xuất hiện tại khu vực Tây Nguyên và Nam Bộ từ tháng 4/2025, muộn hơn so với TBNN, với số ngày nắng nóng ít hơn so với cùng kỳ năm 2024. Ở phía Tây Bắc Bộ và khu vực vùng núi thuộc Bắc-Trung Trung Bộ trong tháng 4/2025, cường độ nắng nóng ít gay gắt hơn so với cùng kỳ năm 2024; từ tháng 5/2025, nắng nóng có khả năng gia tăng trên toàn khu vực Bắc Bộ và Trung Bộ.

- Bão/ATNĐ: Từ tháng 4-6/2025, bão/ATNĐ hoạt động trên khu vực Biển Đông và ảnh hưởng trực tiếp đến đất liền tương đương với mức TBNN (TBNN: Trên Biển Đông: 1,8 cơn, đổ bộ vào đất liền: 0,3 cơn).

- Lượng mưa: TLM trong tháng 4/2025 cao hơn so với TBNN từ 5-10mm (TLM phổ biến 60-100mm, riêng Nam Tây Nguyên phổ biến 100-180mm, có nơi cao hơn). Tháng 5/2025, TLM phổ biến cao hơn 5-15% so với TBNN cùng thời kỳ (TLM phổ biến từ 150-250mm, có nơi cao hơn). Tháng 6/2025, TLM ở mức xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ (TBNN: Tháng 6 phổ biến 200-300mm, có nơi cao hơn).

➤ Về tình hình phụ tải hệ thống

Theo dự thảo chỉ thị của Thủ tướng chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2025, theo đó kế hoạch phát triển KTXH năm 2025 xây dựng trong bối cảnh khó khăn và thuận lợi đan xen. Tình hình thế giới tiếp tục biến động phức tạp, khó lường. Kinh tế và thương mại toàn cầu dự báo tiếp tục phục hồi nhưng còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, thách thức. Trong nước, tình hình chính trị - xã hội và kinh tế vĩ mô tiếp

tục ổn định, các cân đối lớn được đảm bảo; niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp và người dân ngày càng tăng lên.

Với mục tiêu đảm bảo vận hành ổn định, an toàn, liên tục các Nhà máy; Khai thác, điều tiết tối ưu hồ chứa tuân thủ các quy trình, quy định, tăng tối đa doanh thu khi tham gia thị trường điện. Công ty đã xây dựng kế hoạch năm 2025 trên cơ sở đã được các cấp thẩm có quyền thông qua và bám sát theo kế hoạch trung hạn, cụ thể như sau:

A. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025

I. Mục tiêu

1. Phân đấu hoàn thành sản lượng và doanh thu.
2. Phân đấu hoàn thành mục tiêu các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật.
3. Phân đấu vận hành ổn định, an toàn, liên tục các Nhà máy điện của Công ty.

II. Kế hoạch cụ thể

1. Kế hoạch sản xuất điện

Đvt: triệu kWh

Stt	Chỉ tiêu	KH 2025		
		Thủy điện	ĐMT	Tổng
1	Sản lượng điện sản xuất	663	69	732
2	Sản lượng điện thương phẩm	658	69	727

2. Kế hoạch kinh doanh

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2025
1	Sản lượng điện SX	GWh	732
1.1	Thủy điện Thác Mơ	GWh	663
1.2	Điện mặt trời	GWh	69
2	Doanh thu	Tỷ đồng	703,46
	- SXKD thủy điện	Tỷ đồng	467,46
	- SXKD ĐMT	Tỷ đồng	120,27
	- Hoạt động tài chính	Tỷ đồng	91,01
	- Dịch vụ, khác	Tỷ đồng	24,72
3	Chi phí	Tỷ đồng	362,72
	- Chi phí SXKD	Tỷ đồng	346,68
	- Chi phí khác	Tỷ đồng	16,04
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	340,74
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Tỷ đồng	50,85
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	289,89
7	TSLN/VĐL	(%)	41,4%

3. Các chỉ tiêu kinh kế kỹ thuật

3.1. Các chỉ tiêu kỹ thuật

Stt	Nội dung	Đvt	Kế hoạch 2025
1	Hệ số khả dụng	%	87,41
2	Tỷ lệ ngừng máy do sự cố	%	0,40
3	Tỷ lệ ngừng máy bảo dưỡng	%	12,19
4	Suất sự cố		0,50

3.2. Lịch sửa chữa các tổ máy

Stt	Nội dung	Thời gian sửa chữa	Số ngày
1	SCBD khối tổ máy H1	07/02/2025 đến 28/02/2025	22
2	Đại tu khối tổ máy H1	01/11/2025 đến 30/11/2025	30
3	SCBD khối tổ máy H2	01/12/2025 đến 30/12/2025	30
4	SCBD khối tổ máy H2	02/03/2025 đến 08/03/2025	07
Tổng cộng			89

B. Kế hoạch Sửa chữa lớn

Đvt: tỷ đồng

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch 2025
I	Phần thiết bị	9,92
1	Tổ máy H2	3,35
a	Tự làm	-
b	Thuê ngoài	3,35
1	Phần thiết bị điện	-
1.1	Hệ thống rơ le bảo vệ tổ máy H2	-
1.2	Hệ thống điều khiển tổ máy H2	-
2	Phần cơ khí thủy lực	-
2.1	Hệ thống phanh tổ máy H2	3,35
2	Tổ máy H1	6,57
a	Tự làm	2,34
1	Phần thiết bị điện	1,22
2	Phần cơ khí thủy lực	1,12
b	Thuê ngoài	4,23
1	Phần thiết bị điện	-
1.1	Thay máy biến áp IT	-
2	Phần cơ khí thủy lực	4,23
2.1	Hệ thống phanh tổ máy H1	3,35

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch 2025
2.2	Thử nghiệm hệ thống kích từ	0,88
II	Phần công trình	16,61
1	Hệ thống quang trắc tự động	10,59
2	SCL Đường vận hành NM ĐMT (Khu 1.1, 1.2 và số 6)	6,02
Tổng cộng		26,53

C. Kế hoạch đầu tư mua sắm tài sản

Thực hiện đầu tư mua sắm tài sản các hạng mục như sau:

Đvt: tỷ đồng

Stt	Nội dung	Kế hoạch 2025
I	Chuyển tiếp năm 2024	10,93
1	Máy lọc dầu bôi trơn	4,41
2	Thiết bị giám sát rung đảo máy phát	4,71
3	Cung cấp, lắp đặt máy hút hơi dầu	1,81
II	Kế hoạch năm 2025	17,64
4	Hệ thống vô tuyến	1,90
5	Hệ thống lọc dầu điều tốc H1 và H2	2,48
6	Máy phay mặt bích	1,35
7	Máy siết bu lông	0,44
8	Máy phân tích thành phần kim loại	0,31
9	Máy đục lỗ thủy lực	0,10
10	Thiết bị phân tích khí SF6	1,05
11	Thiết bị kiểm tra buồng chân không máy cắt	0,60
12	Thiết bị thử nghiệm phân tích đáp ứng TS quét SFRA	1,05
13	Xe ô tô 7 chỗ	1,46
14	Hệ thống màn hình ghép	1,32
15	Đường dây 22kV đấu nối vào MBA T4	2,25
16	Hệ thống quản lý tuần tra thiết bị trong ca trực VH	0,65
17	Màn hình 85 inch + bộ máy tính mini trang bị phòng khách	0,12
18	Màn hình ghép led sân khấu hội trường khu B	1,32
19	Thay thế thiết bị bảo mật mạng tại Văn phòng Công ty	0,97
20	Tủ sấy	0,27
Tổng cộng		28,57

D. Kế hoạch ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số

Đvt: tỷ đồng

Stt	Nội dung	Kế hoạch 2025
I	Chuyển tiếp từ năm 2024	14,42
1	Phần mềm Dự báo lưu lượng về hồ (ứng dụng công nghệ AI vào phần mềm dự báo lưu lượng nước về hồ thủy điện Thác Mơ)	0,95
2	Nâng cấp hạ tầng CNTT đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số	5,40
3	Số hóa hồ sơ lưu trữ thư viện	2,48
4	Ứng dụng AI dự báo tình trạng bảo trì, bảo dưỡng nhà máy thủy điện (APM)	2,36
5	Nâng cấp Hệ thống Camera analog giám sát hiệu quả thiết bị công trình	3,22
II	Kế hoạch năm 2025	1,28
1	Tiền thưởng cho sáng kiến	0,20
2	Ứng dụng chạy trên IOS và Android phần mềm phục vụ SXKD - Giai đoạn 2	0,98
3	Chi phí cho công tác quản lý hoạt động KH-CN	0,10
Tổng cộng		15,70

E. Kế hoạch đầu tư xây dựng

I. Mục tiêu

1. Văn phòng làm việc Tp. Hồ Chí Minh: Thực hiện thủ tục đầu tư Văn phòng.
2. Dự án ĐMT Thác Mơ giai đoạn 2: Thực hiện thủ tục chuẩn bị đầu tư dự án Nhà máy điện mặt trời thác mơ giai đoạn 2 (100 MWp).
3. Nhà máy thủy điện TMMR: Tiếp tục thực hiện thủ tục đấu giá khi có chủ trương phê duyệt từ các cấp có thẩm quyền.
4. Các dự án nguồn điện khác: Tìm kiếm dự án và trình các cấp thẩm quyền thủ tục đầu tư các dự án có tiềm năng.
5. Nâng cấp hạ tầng mạng truyền dẫn viễn thông phục vụ giám sát và điều hành sản xuất tại Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ.

II. Kế hoạch vốn

Đvt: tỷ đồng

Stt	Nội dung	Kế hoạch năm 2025 (tỷ đồng)		
		Vốn tự có	Vốn vay	Tổng
1	Văn phòng làm việc tại Tp.HCM (Chi phí mua đất)	147,000	-	147,000
2	Nâng cấp hạ tầng mạng truyền dẫn viễn thông phục vụ giám sát và điều hành sản xuất tại Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	1,014		1,014
Tổng cộng		148,014	0	148,014

Ghi chú: Cơ cấu nguồn vốn tự có/vay sẽ được Công ty cân đối các nguồn vốn, dòng tiền và đề xuất khi các cấp có thẩm quyền thông qua chủ trương.

Trên đây là báo cáo của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ về kết quả sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2024 và kế hoạch năm 2025. Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, thông qua.

(Tờ trình này thay thế Tờ trình số 258/TTr-HĐQT ngày 03/04/2025 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, NPTQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Huỳnh Văn Khánh

Báo cáo Tài chính Hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

(Đã được kiểm toán)

M.9.0.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Khu 5, phường Thác Mơ, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10-37

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Khu 5, phường Thác Mơ, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ ("Công ty"), tiền thân là Nhà máy Thủy điện Thác Mơ, đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam – "EVN"), là một Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (GCNĐKDN) số 4403000108 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp ngày 01/01/2008 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó. Hiện nay, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh gần nhất (lần thứ 9) số 3800311306 ngày 19/07/2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Khu 5, phường Thác Mơ, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Huỳnh Văn Khánh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Non	Thành viên
Ông Phạm Minh Trí	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Văn Non	Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hùng Lượng	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Lê Nguyễn Khánh Linh	Trưởng ban
Bà Lai Lệ Hương	Thành viên
Bà Đoàn Sử Ngọc Trân	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất này là Ông Nguyễn Văn Non – Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Khu 5, phường Thác Mơ, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước, Việt Nam

- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- ▶ Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- ▶ Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Non
Tổng Giám đốc

Bình Phước, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Số: 280325.057/BCTC.FIS1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ được lập ngày 28 tháng 03 năm 2025, từ trang 06 đến trang 37 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ đã được kiểm toán và kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các Báo cáo tài chính hợp nhất này tại ngày 26 tháng 03 năm 2024.



**Công ty TNHH
Hãng Kiểm toán AASC**

Đỗ Mạnh Cường

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0744-2023-002-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Trần Minh Đức

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 4372-2022-002-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		943.849.085.815	1.015.614.765.695
110	I. Tiền và tương đương tiền	3	107.540.697.741	78.051.572.515
111	1. Tiền		6.260.697.741	10.051.572.515
112	2. Các khoản tương đương tiền		101.280.000.000	68.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	455.000.000.000	246.500.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		455.000.000.000	246.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		379.061.800.107	688.726.138.901
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	353.036.356.857	636.443.574.342
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		511.484.963	1.135.510.241
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	25.513.958.287	51.147.054.318
140	IV. Hàng tồn kho		563.315.610	727.990.195
141	1. Hàng tồn kho	7	563.315.610	727.990.195
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.683.272.357	1.609.064.084
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	1.466.348.226	830.893.134
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	216.924.131	778.170.950
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.081.082.224.383	1.129.570.095.979
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		895.107.000	854.107.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	895.107.000	854.107.000
220	II. Tài sản cố định		754.956.530.695	816.545.551.290
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	741.528.799.031	803.872.194.616
222	- Nguyên giá		3.262.556.211.498	3.228.600.055.060
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.521.027.412.467)	(2.424.727.860.444)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	13.427.731.664	12.673.356.674
228	- Nguyên giá		20.924.565.426	19.157.582.093
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.496.833.762)	(6.484.225.419)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		1.633.667.898	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	1.633.667.898	-
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	4	310.559.218.390	296.178.320.455
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		144.699.218.390	145.318.320.455
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		150.860.000.000	150.860.000.000
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		15.000.000.000	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		13.037.700.400	15.992.117.234
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	10.555.751.140	12.999.134.454
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	25	552.369.150	770.502.535
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		1.929.580.110	2.222.480.245
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.024.931.310.198	2.145.184.861.674

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		485.026.794.787	558.304.342.133
310	I. Nợ ngắn hạn		204.911.243.341	225.872.102.650
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	34.911.540.999	28.633.101.553
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	71.023.528.802	70.915.301.450
314	3. Phải trả người lao động		22.216.903.192	19.744.541.496
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	1.178.210.091	2.677.111.112
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	14	14.999.370.578	15.421.510.849
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	51.903.956.580	57.853.956.580
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		8.677.733.099	30.626.579.610
330	II. Nợ dài hạn		280.115.551.446	332.432.239.483
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17	259.969.782.903	311.873.739.483
343	2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	15	20.145.768.543	20.558.500.000
400	D. NGUỒN VỐN		1.539.904.515.411	1.586.880.519.541
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	1.539.904.515.411	1.586.880.519.541
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		700.000.000.000	700.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền		700.000.000.000	700.000.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		284.663.534.134	254.130.345.832
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		111.499.166.376	3.553.090.628
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		405.680.327.257	589.754.111.331
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		181.325.906.127	62.371.270.570
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		224.354.421.130	527.382.840.761
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		38.061.487.644	39.442.971.750
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.024.931.310.198	2.145.184.861.674


Hoàng Thị Thanh Thủy
Người lập


Bùi Thị Kim Na
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Non
Tổng Giám đốc

Bình Phước, ngày 28 tháng 03 năm 2025



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	763.629.129.418	854.040.208.371
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		763.629.129.418	854.040.208.371
11	4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	21	321.812.359.355	315.160.811.460
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		441.816.770.063	538.879.396.911
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	38.031.838.045	83.450.544.457
22	7. Chi phí tài chính		24.553.111.621	35.254.304.830
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		24.553.111.621	35.254.304.830
24	8. Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết		29.620.897.935	20.660.410.246
25	9. Chi phí bán hàng		-	-
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	59.355.820.463	53.666.500.829
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		425.560.573.959	554.069.545.955
31	12. Thu nhập khác		51.778.980	370.284.815
32	13. Chi phí khác		-	-
40	14. Lợi nhuận khác		51.778.980	370.284.815
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		425.612.352.939	554.439.830.770
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24	70.241.122.334	94.214.282.665
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	25	218.133.385	42.860.031
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>355.153.097.220</u>	<u>460.182.688.074</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ		350.354.421.130	454.984.320.354
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		4.798.676.090	5.198.367.720
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	5.005	6.500



Hoàng Thị Thanh Thủy
Người lập



Bùi Thị Kim Na
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Non
Tổng Giám đốc

Bình Phước, ngày 28 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		425.612.352.939	554.439.830.770
	2. Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định		97.846.735.115	92.762.457.017
05	(Lãi) từ hoạt động đầu tư		(67.679.514.960)	(104.110.954.703)
06	Chi phí lãi vay		24.553.111.621	35.254.304.830
08	3. Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		480.332.684.715	578.345.637.914
09	(Tăng)/Giảm các khoản phải thu		316.595.205.359	(347.562.551.521)
10	Giảm hàng tồn kho		457.574.720	1.232.490.701
11	Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay, thuế TNDN phải nộp)		5.841.175.539	(19.540.545.198)
12	(Tăng)/Giảm chi phí trả trước		1.728.186.742	(1.336.410.307)
14	Tiền lãi vay đã trả		(24.749.502.675)	(35.272.399.454)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(68.827.336.946)	(102.382.791.594)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(21.087.163.456)	(20.036.645.785)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		690.290.823.998	53.446.784.756
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(37.813.354.200)	(33.473.576.917)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		26.778.980	-
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(589.000.000.000)	(263.500.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		365.500.000.000	769.000.000.000
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		247.300.000	-
27	4. Tiền lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		61.642.616.323	83.847.937.856
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(199.396.658.897)	555.874.360.939
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	3. Tiền thu từ đi vay		-	10.000.000.000
34	1. Tiền trả nợ gốc vay		(57.853.956.580)	(55.103.956.580)
36	2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(403.551.083.295)	(516.557.447.651)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(461.405.039.875)	(561.661.404.231)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		29.489.125.226	47.659.741.464
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3	78.051.572.515	30.391.831.051
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	107.540.697.741	78.051.572.515



Hoàng Thị Thanh Thủy
Người lập



Bùi Thị Kim Na
Kế toán trưởng





Nguyễn Văn Non
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

a. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ ("Công ty"), tiền thân là Nhà máy Thủy điện Thác Mơ, đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam – "EVN"), là một Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (GCNĐKDN) số 4403000108 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp ngày 01/01/2008 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó. Hiện nay, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh gần nhất (lần thứ 9) số 3800311306 ngày 19/07/2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Khu 5, phường Thác Mơ, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã cổ phiếu là TMP.

Tại ngày 31/12/2024, vốn điều lệ của Công ty là 700.000.000.000 VND, tương ứng 70.000.000 cổ phần với mệnh giá: 10.000 VND/cổ phần.

Tổng số nhân viên của toàn Công ty tại ngày 31/12/2024 là 157 người (tại ngày 01/01/2024 là 165 người).

b. Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- ▶ Hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng;
- ▶ Quản lý vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo và lắp đặt các thiết bị điện, các công trình thủy công, công trình kiến trúc nhà máy điện;
- ▶ Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện; xây lắp đường dây và trạm biến áp.

c. Cấu trúc Công ty

Công ty có các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Hoạt động sản xuất kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	Lâm Đồng, Việt Nam	Kinh doanh thủy điện	99,92%	100%
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắkrôsa	Gia Lai, Việt Nam	Kinh doanh thủy điện	61,17%	61,17%

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán và đơn vị tiền tệ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam ("VND").

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

Công ty cũng áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CĐKT ngày 3 tháng 9 năm 2015, hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 1425/EVN-TCKT ngày 22 tháng 3 năm 2019 ("Chế độ kế toán EVN").

2.3 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- ▶ Dự phòng phải thu khó đòi
- ▶ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- ▶ Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định
- ▶ Thời gian phân bổ chi phí trả trước
- ▶ Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính
- ▶ Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 Các khoản đầu tư tài chính

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết phát sinh trong năm, Công ty thực hiện điều chỉnh giá trị khoản đầu tư tương ứng với phần sở hữu trong lãi, lỗ của công ty liên kết và ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- ▶ Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- ▶ Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.9 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định bằng phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 Tài sản cố định

Tài sản cố định (hữu hình/ vô hình) được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao ước tính như sau:

▶ Nhà cửa và vật kiến trúc	10 – 25 năm
▶ Máy móc, thiết bị	05 – 12 năm
▶ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 – 20 năm
▶ Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 10 năm
▶ Quyền sử dụng đất	29 – 34 năm
▶ Phần mềm máy vi tính	03 – 05 năm

2.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.12 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- ▶ Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- ▶ Chi phí trả trước khác gồm chi phí phần mềm, bảo hiểm, sửa chữa bảo trì,... được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian sử dụng hữu ích từ 1 đến 3 năm hoặc theo kỳ hạn hợp đồng.

2.14 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

2.17 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: trích trước lãi vay phải trả, chi phí mua bán điện, bảo vệ công trình và các khoản chi phí phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm tài chính.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.19 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

- ▶ Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- ▶ Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng ngay sau khi sản lượng sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có xác nhận của Công ty Mua bán Điện và Công ty Vận hành Hệ thống Điện và Thị trường Điện Quốc Gia ("NSMO").

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- ▶ Xác định được phần công việc đã hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và doanh thu tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- ▶ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.20 Giá vốn hàng bán (điện) và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán (điện) và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm, kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.21 Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính và chi phí vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Tài sản thuế TNDN hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (20%).

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Chính sách ưu đãi thuế

<u>Đơn vị</u>	<u>Văn bản</u>	<u>Tóm tắt các ưu đãi thuế</u>	<u>Hiệu lực</u>
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	Điều 11, Điều 12 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015	Được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong vòng 15 năm kể từ năm có doanh thu, miễn thuế TNDN 4 năm kể từ năm có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo đối với thu nhập từ dự án.	Từ năm 2020

<u>Đơn vị</u>	<u>Văn bản</u>	<u>Tóm tắt các ưu đãi thuế</u>	<u>Hiệu lực</u>
Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	Điều 11, Điều 12 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015	Được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong vòng 15 năm kể từ năm có doanh thu, miễn thuế TNDN 4 năm kể từ năm có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo đối với thu nhập từ dự án.	Từ năm 2015

d) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

<u>Đơn vị</u>	<u>Thuế suất</u>
Công ty mẹ	
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	Thuế suất 10% và được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong năm đối với thu nhập của Dự án điện mặt trời. Thuế suất 20% đối với các hoạt động không được ưu đãi thuế suất.

Các công ty con

Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	Thuế suất 10% và được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong năm đối với thu nhập của Dự án thủy điện. Thuế suất 20% đối với các hoạt động không được ưu đãi thuế suất.
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắkrosa	Thuế suất 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.23 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban Tổng Giám đốc) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.24 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- ▶ Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- ▶ Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- ▶ Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 Thông tin bộ phận

Do hoạt động của Công ty là sản xuất điện và đầu tư xây dựng các dự án điện. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	-	1.770.890
Tiền gửi ngân hàng	6.260.697.741	10.049.801.625
Các khoản tương đương tiền (*)	101.280.000.000	68.000.000.000
	107.540.697.741	78.051.572.515

(*) Tại ngày 31/12/2024, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng có giá trị 101.280.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,0%/năm đến 4,4%/năm.

4. Các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	455.000.000.000	246.500.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	455.000.000.000	246.500.000.000
b) Dài hạn	15.000.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn (**)	15.000.000.000	-
	470.000.000.000	246.500.000.000

(*) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn tại ngày 31/12/2024 là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến 12 tháng có giá trị 455.000.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,2%/năm đến 5,0%/năm.

(**) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn tại ngày 31/12/2024 là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 15 tháng có giá trị 15.000.000.000 VND được gửi tại ngân hàng thương mại với lãi suất 5,0%/năm.

b) Đầu tư vào công ty liên kết

	31/12/2024				01/01/2024		
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu
	%	%	%	VND	%	%	VND
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Bình Thuận Việt Nam	20,00	20,00	143.501.142.872	20,00	20,00	143.880.244.937
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác hồ Thủy điện Thác Mơ (*)	Bình Phước Việt Nam	29,00	29,00	1.198.075.518	35,00	35,00	1.438.075.518
				144.699.218.390			145.318.320.455

(*) Nghị quyết số 1167/NQ-HĐQT ngày 31/12/2024 của Hội đồng Quản trị thông qua kết quả thực hiện chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty đầu tư tại Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ thủy điện Thác Mơ. Chi tiết:

- Về số lượng cổ phần: tại ngày 01/01/2024 là 140.000 cổ phần (tỷ lệ sở hữu 35%), tại ngày 31/12/2024 là 116.000 cổ phần (tỷ lệ sở hữu 29%).
- Công ty đã thực hiện chuyển nhượng 24.000 cổ phần, tương đương 6% vốn điều lệ đang nắm giữ tại Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ thủy điện Thác Mơ theo phương thức bán đấu giá công khai cho Công ty TNHH Cơ điện Miền Đông với giá trị chuyển nhượng 247.300.000 VND.

c) Đầu tư vào đơn vị khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	149.580.000.000	-	149.580.000.000	-
Công ty Cổ phần Cơ điện Điện lực Đồng Nai	1.280.000.000	-	1.280.000.000	-
	150.860.000.000	-	150.860.000.000	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Bên liên quan	350.458.376.390	633.073.888.956
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	319.091.273.265	594.165.802.173
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	19.514.903.847	14.797.815.776
Ban Quản lý Dự án Thủy điện 6	791.199.395	10.098.878.797
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	5.666.941.466	9.075.041.683
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	5.394.058.417	4.936.350.527
Bên khác	2.577.980.467	3.369.685.386
	353.036.356.857	636.443.574.342

6. Phải thu khác

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
a.1) Chi tiết theo nội dung		
Lãi dự thu và cho vay	5.944.872.973	2.937.951.251
Cổ tức được chia	13.500.000.000	10.125.000.000
Các khoản chi hộ	317.593.516	34.474.592.805
Phải thu khác	5.751.491.798	3.609.510.262
	25.513.958.287	51.147.054.318
a.2) Chi tiết theo đối tượng		
Bên liên quan	13.817.593.516	44.599.592.805
Ban quản lý Dự án Thủy điện 6	-	27.267.692.037
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	13.500.000.000	10.125.000.000
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	52.064.416	7.206.900.768
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	40.945.950	-
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	122.837.850	-
Công ty Thủy điện Quảng Trị	101.745.300	-
Bên khác	11.696.364.771	6.547.461.513
	25.513.958.287	51.147.054.318
b) Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	895.107.000	854.107.000
	895.107.000	854.107.000

7. Hàng tồn kho

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Nguyên liệu vật liệu	563.160.410	562.671.202
Công cụ, dụng cụ	155.200	155.200
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	165.163.793
	563.315.610	727.990.195

8. Chi phí trả trước

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí phần mềm	347.373.875	197.250.000
Bảo hiểm	617.061.714	433.727.737
Khác	501.912.637	199.915.397
	1.466.348.226	830.893.134
b) Dài hạn		
Chi phí thuê đất (Thuyết minh 17)	3.045.071.596	3.124.813.076
Chi phí sửa chữa bảo trì	3.610.569.041	8.922.531.994
Khác	3.900.110.503	951.789.384
	10.555.751.140	12.999.134.454

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2024	1.749.804.666.518	1.256.871.953.699	184.181.880.782	37.741.554.061	3.228.600.055.060
Mua mới	435.238.075	23.630.428.531	5.484.762.114	3.691.458.763	33.241.887.483
Tăng khác	1.170.815.486	-	-	-	1.170.815.486
Thanh lý	-	-	(394.342.491)	(62.204.040)	(456.546.531)
Tại ngày 31/12/2024	1.751.410.720.079	1.280.502.382.230	189.272.300.405	41.370.808.784	3.262.556.211.498
Hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2024	1.439.046.522.715	835.513.162.468	135.167.182.908	15.000.992.353	2.424.727.860.444
Khấu hao trong năm	24.304.428.652	62.601.749.313	5.766.236.592	4.083.683.997	96.756.098.554
Thanh lý	-	-	(394.342.491)	(62.204.040)	(456.546.531)
Tại ngày 31/12/2024	1.463.350.951.367	898.114.911.781	140.539.077.009	19.022.472.310	2.521.027.412.467
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2024	310.758.143.803	421.358.791.231	49.014.697.874	22.740.561.708	803.872.194.616
Tại ngày 31/12/2024	288.059.768.712	382.387.470.449	48.733.223.396	22.348.336.474	741.528.799.031

- ▶ Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là: 1.958.531.784.968 VND.
- ▶ Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 389.803.025.277 VND.

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2024	16.325.753.650	2.831.828.443	19.157.582.093
Mua mới	-	1.766.983.333	1.766.983.333
Tại ngày 31/12/2024	16.325.753.650	4.598.811.776	20.924.565.426
Hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2024	5.807.923.634	676.301.785	6.484.225.419
Khấu hao trong năm	508.473.744	504.134.599	1.012.608.343
Tại ngày 31/12/2024	6.316.397.378	1.180.436.384	7.496.833.762
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2024	10.517.830.016	2.155.526.658	12.673.356.674
Tại ngày 31/12/2024	10.009.356.272	3.418.375.392	13.427.731.664

- ▶ Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 1.063.128.263 VND.
- ▶ Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là : 227.480.000 VND.

(*) Quyền sử dụng đất lâu dài của Công ty mẹ và các Công ty con tại:

- ▶ Thửa đất số 12, phường Long Thủy, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước, thời hạn sử dụng đến ngày 15/10/2043.
- ▶ Thửa đất số 55, khu phố 6, thị trấn Thác Mơ, huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước, thời hạn sử dụng đến 15/10/2043.
- ▶ Thửa đất số 34, 117 Lê Đại Hành, phường Đồng Đa, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Thời hạn sử dụng đối với đất trồng cây lâu năm, đất thương mại, dịch vụ đến năm 2043. Thời hạn sử dụng đối với đất cơ sở sản xuất kinh doanh đến 03/04/2058.
- ▶ Xã Ngọc Tụ, xã Đắc Trăm, huyện Đắc Tô, tỉnh Kon Tum. Thời hạn sử dụng đến 16/10/2057.
- ▶ Thôn Đăk Chờ, huyện Đắc Tô, tỉnh Kon Tum. Thời hạn sử dụng đến 13/10/2040.
- ▶ Thôn 6, xã Kon Đào, huyện Đắc Tô, tỉnh Kon Tum. Thời hạn sử dụng đến 13/10/2040.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Tại ngày 31/12/2024, Chi phí xây dựng cơ bản dở dang với số tiền 1.633.667.898 VND là giá trị thiết bị lắp đặt, đang chờ thử nghiệm và nối vào lưới 22kV của địa phương theo Hợp đồng Cung cấp lắp đặt và thử nghiệm số 16-TB/2024/HĐ-TMP-KHVT.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Bên liên quan	5.834.601.248	4.548.290.279
Công ty Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	4.570.560.000	3.730.909.091
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ thông tin	-	304.583.145
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	-	298.506.655
Công ty Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	577.972.372	138.972.373
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	-	48.195.646
Công ty Thí nghiệm Điện Miền Nam	17.268.876	27.123.369
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 4	668.800.000	-
Bên khác	29.076.939.751	24.084.811.274
Công ty TNHH Đồng Tâm Đà Lạt	2.372.014.360	4.339.761.591
Công ty TNHH Dịch vụ thương mại Sản xuất Xây dựng Bình Phước	1.473.696.983	1.937.689.707
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Vận tải Trường Hải – Bình Phước	2.415.000.000	-
Công ty 789 - Bộ quốc phòng	1.102.139.189	1.102.139.189
Khác	21.714.089.219	16.705.220.787
	34.911.540.999	28.633.101.553

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Lãi vay	506.437.974	702.829.028
Khác	671.772.117	1.974.282.084
	1.178.210.091	2.677.111.112

14. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Cổ tức phải trả	13.587.257.016	13.736.537.711
Khác	1.412.113.562	1.684.973.138
	14.999.370.578	15.421.510.849

15. Quỹ phát triển khoa học công nghệ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Số dư đầu năm	20.558.500.000	20.700.000.000
Sử dụng quỹ	(412.731.457)	(141.500.000)
Số dư cuối năm	20.145.768.543	20.558.500.000

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2024		Phát sinh		31/12/2024	
	Số phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải nộp	Số phải thu	Số phải nộp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	3.881.804.609	53.945.304.502	52.708.347.415	-	2.644.847.522
Phí dịch vụ môi trường rừng	-	7.423.287.696	29.360.357.928	29.760.708.816	-	7.823.638.584
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	54.559.486.327	68.827.336.946	70.241.122.334	28.698.024	56.001.969.739
Thuế thu nhập cá nhân	315.637.250	1.124.681.208	8.253.577.433	7.257.347.368	188.226.107	1.040.000
Thuế tài nguyên	-	3.926.041.610	83.365.835.398	83.991.826.745	-	4.552.032.957
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	-	9.445.047.000	9.445.047.000	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	462.533.700	-	1.194.550.161	1.657.083.861	-	-
Các khoản phải nộp khác	-	-	12.000.000	12.000.000	-	-
	778.170.950	70.915.301.450	254.404.009.368	255.073.483.539	216.924.131	71.023.528.802

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17. Vay

	01/01/2024	Phát sinh		31/12/2024
	Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Các khoản vay ngắn hạn				
	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Gia Lai	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả				
	55.853.956.580	51.903.956.580	55.853.956.580	51.903.956.580
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	(1) 50.853.956.580	50.853.956.580	50.853.956.580	50.853.956.580
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Gia Lai	(2) 1.000.000.000	1.050.000.000	1.000.000.000	1.050.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Phước	4.000.000.000	-	4.000.000.000	-
	57.853.956.580	51.903.956.580	57.853.956.580	51.903.956.580
b) Dài hạn				
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	(1) 355.977.696.063	-	50.853.956.580	305.123.739.483
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Gia Lai	(2) 7.750.000.000	-	1.000.000.000	6.750.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Phước	4.000.000.000	-	4.000.000.000	-
	367.727.696.063	-	55.853.956.580	311.873.739.483
Khoản đến hạn trả trong 12 tháng	55.853.956.580	51.903.956.580	55.853.956.580	51.903.956.580
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	311.873.739.483			259.969.782.903

17. Vay (tiếp)

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Lãi suất năm %/năm	Ngày đáo hạn	Mục đích vay	Hình thức bảo đảm	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
(1) Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	Lãi suất tiết kiệm 12 tháng + 2-2,3%	21/10/2030	Xây dựng Nhà máy Điện mặt trời Thác Mơ	Một phần tài sản cố định hữu hình tại nhà máy Thủy điện Thác Mơ (Thuyết minh 9)	305.123.739.483	355.977.696.063
(2) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Gia Lai	Lãi suất tiết kiệm 12 tháng + 2,4%	30/08/2030	Nâng cấp thiết bị Nhà máy thủy điện Đăkrosa	Quyền sử dụng đất (Thuyết minh 10) và tài sản gắn liền với đất (Thuyết minh 9)	6.750.000.000	7.750.000.000
					311.873.739.483	363.727.696.063

Các khoản vay từ ngân hàng đã được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển ("ĐTPT") VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2023	700.000.000.000	56.454.368.091	294.484.564.126	594.233.893.080	42.774.389.670	1.687.947.214.967
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	454.984.320.354	5.198.367.720	460.182.688.074
Trích lập quỹ ĐTPT	-	-	39.445.912	(39.445.912)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(41.719.597.860)	(763.393.140)	(42.482.991.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(511.000.000.000)	(7.766.392.500)	(518.766.392.500)
Đầu tư Dự án Nhà máy Điện mặt trời bằng quỹ ĐTPT	-	177.746.308.461	(177.746.308.461)	-	-	-
Mua sắm tài sản cố định bằng quỹ ĐTPT	-	19.929.669.280	(19.929.669.280)	-	-	-
Hoàn nhập quỹ ĐTPT	-	-	(93.294.941.669)	93.294.941.669	-	-
Tại ngày 31/12/2023	700.000.000.000	254.130.345.832	3.553.090.628	589.754.111.331	39.442.971.750	1.586.880.519.541
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	350.354.421.130	4.798.676.090	355.153.097.220
Trích lập quỹ ĐTPT (*)	-	-	138.479.264.050	(138.479.264.050)	-	-
Đầu tư TSCĐ bằng quỹ ĐTPT	-	30.533.188.302	(30.533.188.302)	-	-	-
Hoàn nhập/(Trích lập) quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	1.861.058.846	(588.357.596)	1.272.701.250
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	(397.810.000.000)	(5.591.802.600)	(403.401.802.600)
Tại ngày 31/12/2024	700.000.000.000	284.663.534.134	111.499.166.376	405.680.327.257	38.061.487.644	1.539.904.515.411

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-TMP-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 04 năm 2024 và các Nghị quyết khác của Đại hội đồng cổ đông của các Công ty con, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2023, 2024 như sau:

Phân phối lợi nhuận	Tại Công ty mẹ (1) VND	Các công ty con phân phối cho			Cộng (3) = (1) + (2) VND	Trong đó đã tạm phân phối trong năm 2023 VND
		Công ty mẹ	Cổ đông không			
		(2) VND	kiểm soát VND			
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	134.401.264.050	4.078.000.000	-	138.479.264.050	-	
Trích lập/ (Hoàn nhập) quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý, kiểm soát viên (**)	(3.872.915.250)	2.011.856.404	588.357.596	(1.272.701.250)	19.460.001.500	
Chi trả cổ tức	628.810.000.000	19.808.197.400	5.591.802.600	654.210.000.000	357.000.000.000	

(**) Trong năm, Công ty hoàn nhập quỹ khen thưởng phúc lợi số tiền 3.872.915.250 VND do số tạm trích năm trước lớn hơn so với số được phê duyệt theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-TMP-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2024.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2024	Tỷ lệ	01/01/2024	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Phát điện 2	363.415.000.000	51,92	363.415.000.000	51,92
- Công ty Cổ phần				
Công ty TNHH Năng lượng REE	298.437.400.000	42,63	298.437.400.000	42,63
Các cổ đông khác	38.147.600.000	5,45	38.147.600.000	5,45
	700.000.000.000	100	700.000.000.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	700.000.000.000	700.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	700.000.000.000	700.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	13.736.537.711	11.527.592.862
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	403.401.802.600	518.766.392.500
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	277.401.802.600	161.766.392.500
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm nay	126.000.000.000	357.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	403.551.083.295	516.557.447.651
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	13.587.257.016	13.736.537.711
+ Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả bằng tiền	13.587.257.016	13.736.537.711

d. Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	70.000.000	70.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	70.000.000	70.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	70.000.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/ cổ phiếu.

e. Các quỹ của Công ty

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	111.499.166.376	3.553.090.628

10011
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Tài sản thuê ngoài

Công ty hiện đang thuê tài sản theo các hợp đồng thuê sau:

- ▶ Hợp đồng thuê văn phòng số HD596/et/REE/22 ngày 15/04/2022 với Công ty TNHH Quản lý và Khai Thác Bất Động Sản R.E.E, thuê một phần tòa nhà Etown 1, để sử dụng làm nhà văn phòng. Thời hạn thuê là 5 năm kể từ ngày 20/05/2022 đến 19/05/2027. Đơn vị thanh toán tiền thuê văn phòng theo quý.
- ▶ Công ty có các hợp đồng thuê đất tại tỉnh Bình Phước, tỉnh Lâm Đồng, tỉnh Gia Lai, tỉnh Kon Tum sử dụng để xây dựng công trình thủy điện, nhà máy Điện mặt trời. Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán điện	747.967.022.575	838.642.290.880
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.536.000.629	15.397.917.491
Doanh thu khác	126.106.214	-
	763.629.129.418	854.040.208.371
Trong đó, doanh thu từ bên liên quan	757.684.072.227	846.634.674.125
Xem thông tin tại Thuyết minh 30		

21. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn bán điện	309.060.585.392	301.012.989.919
Giá vốn cung cấp dịch vụ	12.751.773.963	14.147.821.541
	321.812.359.355	315.160.811.460
Trong đó, mua hàng từ bên liên quan	10.992.204.097	7.698.758.200
Xem thông tin tại Thuyết minh 30		

22. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	14.294.538.045	42.803.544.457
Lãi do chuyển nhượng các khoản đầu tư	7.300.000	-
Cổ tức được chia	23.730.000.000	40.647.000.000
	38.031.838.045	83.450.544.457
Trong đó, doanh thu tài chính từ bên liên quan	23.730.000.000	40.605.000.000
Xem thông tin tại Thuyết minh 30		

23. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	19.281.169.348	20.461.258.192
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.564.486.140	2.712.508.221
Thuế phí và lệ phí	567.224.400	382.002.099
Chi phí khác	35.942.940.575	30.110.732.317
	59.355.820.463	53.666.500.829

24. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	66.233.196.563	89.705.200.440
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại các Công ty con	4.007.925.771	4.509.082.225
- Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	531.301.976	978.428.586
- Công ty Cổ phần Thủy điện Đắkrosa	3.476.623.795	3.530.653.639
	70.241.122.334	94.214.282.665

25. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	552.369.150	770.502.535
	552.369.150	770.502.535

b) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	218.133.385	42.860.031
	218.133.385	42.860.031

26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	350.354.421.130	454.984.320.354
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	350.354.421.130	454.984.320.354
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	70.000.000	70.000.000
	5.005	6.500

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban Tổng Giám đốc trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31/12/2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

27. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thuế tài nguyên, phí dịch vụ môi trường rừng và phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	123.197.582.561	118.181.726.708
Chi phí nhân công	48.355.100.998	51.236.428.920
Chi phí khấu hao tài sản cố định	97.766.993.635	92.762.457.017
Chi phí khác	111.848.502.624	106.646.699.644
	381.168.179.818	368.827.312.289

28. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải rủi ro thị trường liên quan đến biến động lãi suất.

Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2024			
Tiền và các khoản tương đương tiền	107.540.697.741	-	107.540.697.741
Phải thu khách hàng, phải thu khác	378.550.315.144	895.107.000	379.445.422.144
Các khoản cho vay, tiền gửi có kỳ hạn	455.000.000.000	15.000.000.000	470.000.000.000
	941.091.012.885	15.895.107.000	956.986.119.885
01/01/2024			
Tiền và các khoản tương đương tiền	78.049.801.625	-	78.049.801.625
Phải thu khách hàng, phải thu khác	687.590.628.660	854.107.000	688.444.735.660
Các khoản cho vay, tiền gửi có kỳ hạn	246.500.000.000	-	246.500.000.000
	1.012.140.430.285	854.107.000	1.012.994.537.285

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2024			
Vay và nợ	51.903.956.580	259.969.782.903	311.873.739.483
Phải trả người bán, phải trả khác	49.910.911.577	-	49.910.911.577
Chi phí phải trả	1.178.210.091	-	1.178.210.091
	102.993.078.248	259.969.782.903	362.962.861.151
01/01/2024			
Vay và nợ	57.853.956.580	311.873.739.483	369.727.696.063
Phải trả người bán, phải trả khác	44.054.612.402	-	44.054.612.402
Chi phí phải trả	2.677.111.112	-	2.677.111.112
	104.585.680.094	311.873.739.483	416.459.419.577

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

29. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

30. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan của Công ty và mối quan hệ như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ cao nhất
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ
Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ thủy điện Thác Mơ	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Công ty liên kết
Ban Quản lý Dự án Thủy điện 6	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cơ điện Điện lực Đồng Nai	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 2 ("PECC2")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 ("PECC3")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 4 ("PECC4")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Điện lực Bình Phước - Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Thí nghiệm Điện lực TP. Hồ Chí Minh	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Thí nghiệm Điện Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Thủy điện Quảng Trị	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Thủy điện Sông Bung	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Thủy điện Tuyên Quang	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Viễn Thông Điện lực và Công nghệ thông tin	Công ty trong cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH (EVNSPC)	Công ty trong cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty trong cùng Tập đoàn
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát	

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch khác phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Bán điện và cung cấp dịch vụ	757.684.072.227	846.634.674.125
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	747.294.193.741	837.961.583.508
Tập đoàn Điện Lực Việt Nam	9.447.738.253	8.348.409.864
Công ty Điện lực Bình Phước - Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	318.019.518	324.680.753
Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh	599.031.109	-
Công ty Thủy điện Tuyên Quang	25.089.606	-

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Mua hàng	10.992.204.097	7.698.758.200
Công ty Điện lực Bình Phước - Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	4.274.165.732	3.939.629.600
Công ty Cổ phần Cơ điện Điện lực Đồng Nai	220.000.000	-
Công ty Thủy điện Sông Bung	382.754.043	-
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH (EVNSPC)	174.943.304	-
Công ty Viễn Thông Điện lực và Công nghệ thông tin	304.583.145	304.583.145
Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	192.239.355	-
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 ("PECC3")	4.417.777.778	3.454.545.455
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 4 ("PECC4")	619.259.259	-
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 2 ("PECC2")	406.481.481	-
Cổ tức được chia	23.730.000.000	40.605.000.000
Công ty CP Nhiệt điện Quảng Ninh	23.625.000.000	40.500.000.000
Công ty Cổ phần Cơ điện Điện lực Đồng Nai	105.000.000	105.000.000
Chia cổ tức	376.130.718.920	483.152.252.000
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần	206.528.744.500	265.292.950.000
Công ty TNHH Năng Lượng REE	169.601.974.420	217.859.302.000

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Hội đồng quản trị	2.161.519.000	2.013.688.000
Ông Huỳnh Văn Khánh	692.620.000	872.256.000
Ông Nguyễn Văn Non	663.643.000	836.482.000
Ông Nguyễn Quang Quyền	107.172.000	96.000.000
Ông Lê Tuấn Hải	107.172.000	96.000.000
Ông Nguyễn Lê Hoàng (Miễn nhiệm ngày 22/12/2023)	-	93.419.000
Ông Phạm Minh Trí	590.912.000	19.531.000
Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	1.723.298.000	2.169.191.000
Ông Nguyễn Hùng Lượng	590.912.000	743.954.000
Ông Đinh Văn Sơn	590.912.000	743.954.000
Bùi Thị Kim Na	541.474.000	681.283.000
Ban kiểm soát	825.718.000	964.288.000
Bà Lê Nguyễn Khánh Linh	611.374.000	408.360.504
Ông Hồ Thành Công (Miễn nhiệm ngày 22/06/2023)	-	363.927.496
Bà Lai Lệ Hương	107.172.000	96.000.000
Bà Đoàn Sử Ngọc Trân	107.172.000	96.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

31. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam kiểm toán.

32. Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

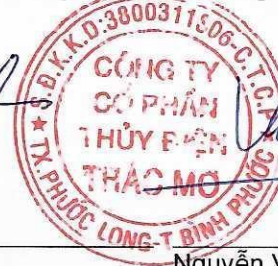
Báo cáo tài chính hợp nhất này đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và chấp thuận phát hành vào ngày 28 tháng 03 năm 2025.



Hoàng Thị Thanh Thủy
Người lập



Bùi Thị Kim Na
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Non
Tổng Giám đốc

Bình Phước, ngày 28 tháng 03 năm 2025



Báo cáo Tài chính Riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024
(Đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán riêng	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	10-11
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	12-38

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Khu 5, phường Thác Mơ, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ ("Công ty"), tiền thân là Nhà máy Thủy điện Thác Mơ, đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam – "EVN"), là một Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (GCNĐKDN) số 4403000108 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp ngày 01/01/2008 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó. Hiện nay, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh gần nhất (lần thứ 9) số 3800311306 ngày 19/07/2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại khu 5, phường Thác Mơ, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Huỳnh Văn Khánh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Non	Thành viên
Ông Phạm Minh Trí	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Văn Non	Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hùng Lượng	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Lê Nguyễn Khánh Linh	Trưởng ban
Bà Lai Lệ Hương	Thành viên
Bà Đoàn Sử Ngọc Trân	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính riêng này là Ông Nguyễn Văn Non – Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- ▶ Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Khu 5, phường Thác Mơ, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước, Việt Nam

- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- ▶ Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng;
- ▶ Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng các Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Non

Tổng Giám đốc

Bình Phước, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Số: 280325.056/BCTC.FIS1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ được lập ngày 28/03/2025, từ trang 06 đến trang 38 bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính riêng này tại ngày 26/03/2024.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Đỗ Mạnh Cường

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0744-2023-002-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Trần Minh Đức

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 4372-2022-002-1

CÔNG TY
KIỂM TOÁN
C
TP. HCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		906.919.241.397	978.989.593.477
110	I. Tiền và tương đương tiền	3	92.016.950.843	58.661.687.097
111	1. Tiền		2.016.950.843	4.661.687.097
112	2. Các khoản tương đương tiền		90.000.000.000	54.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	447.000.000.000	237.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		447.000.000.000	237.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		366.020.518.282	681.496.994.298
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	327.920.817.902	616.901.257.812
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		-	563.472.060
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	5	14.640.000.000	14.640.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	23.459.700.380	49.392.264.426
140	IV. Hàng tồn kho		391.394.210	574.754.025
141	1. Hàng tồn kho	8	391.394.210	574.754.025
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.490.378.062	1.256.158.057
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	1.433.040.986	793.624.357
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	57.337.076	462.533.700

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

(Tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		963.538.390.513	996.953.764.253
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		37.535.107.000	52.134.107.000
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	5	36.640.000.000	51.280.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	7	895.107.000	854.107.000
220	II. Tài sản cố định		466.376.215.089	500.869.677.066
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	456.311.347.980	491.800.324.011
222	- Nguyên giá		2.665.935.253.399	2.635.318.092.123
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.209.623.905.419)	(2.143.517.768.112)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	10.064.867.109	9.069.353.055
228	- Nguyên giá		16.057.219.266	14.290.235.933
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.992.352.157)	(5.220.882.878)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		1.633.667.898	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	1.633.667.898	-
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	4	453.154.430.000	438.394.430.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		186.134.430.000	186.134.430.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		101.160.000.000	101.400.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		150.860.000.000	150.860.000.000
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		15.000.000.000	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		4.838.970.526	5.555.550.187
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	3.690.787.781	4.076.602.460
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	28	-	87.636.677
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		1.148.182.745	1.391.311.050
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.870.457.631.910	1.975.943.357.730

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		463.318.731.547	527.393.885.491
310	I. Nợ ngắn hạn		188.903.180.101	201.711.646.008
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	31.144.657.360	23.199.906.028
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	68.139.135.292	68.047.810.280
314	3. Phải trả người lao động		17.443.163.772	14.142.445.479
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	928.764.885	2.380.696.789
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	15	12.543.787.960	13.056.078.574
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	50.853.956.580	50.853.956.580
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		7.849.714.252	30.030.752.278
330	II. Nợ dài hạn		274.415.551.446	325.682.239.483
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17	254.269.782.903	305.123.739.483
343	2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	19	20.145.768.543	20.558.500.000
400	D. NGUỒN VỐN		1.407.138.900.363	1.448.549.472.239
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	1.407.138.900.363	1.448.549.472.239
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		700.000.000.000	700.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		700.000.000.000	700.000.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		283.678.619.320	254.130.345.832
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		104.852.990.562	-
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		318.607.290.481	494.419.126.407
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		92.080.777.607	-
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		226.526.512.874	494.419.126.407
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.870.457.631.910	1.975.943.357.730


Hoàng Thị Thanh Thủy
Người lập


Bùi Thị Kim Na
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Non
Tổng Giám đốc

Bình Phước, ngày 28 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	660.027.609.667	741.765.248.055
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		660.027.609.667	741.765.248.055
11	4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	22	259.897.906.059	253.065.332.687
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		400.129.703.608	488.699.915.368
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	90.201.198.040	122.766.353.395
22	7. Chi phí tài chính	24	23.733.437.041	34.367.069.026
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		23.733.437.041	34.367.069.026
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	47.801.897.473	39.847.707.289
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		418.795.567.134	537.251.492.448
31	11. Thu nhập khác	26	51.778.980	370.284.815
32	12. Chi phí khác		-	-
40	13. Lợi nhuận khác		51.778.980	370.284.815
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		418.847.346.114	537.621.777.263
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27	66.233.196.563	89.705.200.440
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	28	87.636.677	(87.636.677)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		352.526.512.874	448.004.213.500

Hoàng Thị Thanh Thủy
Người lập

Bùi Thị Kim Na
Kế toán trưởng

CÔNG TY
CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN
THÁC MƠ
PHƯỚC LONG - BÌNH PHƯỚC

Nguyễn Văn Non
Tổng Giám đốc

Bình Phước, ngày 28 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
Năm 2024
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		418.847.346.114	537.621.777.263
	2. Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định		67.412.181.335	63.805.187.435
05	(Lãi) từ hoạt động đầu tư		(90.227.977.020)	(122.766.353.395)
06	Chi phí lãi vay		23.733.437.041	34.367.069.026
08	3. Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		419.764.987.470	513.027.680.329
09	(Tăng)/Giảm các khoản phải thu		323.415.113.990	(340.582.372.114)
10	Giảm hàng tồn kho		426.488.120	1.228.281.701
11	Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay, thuế TNDN phải nộp)		5.019.481.739	(19.381.580.519)
12	(Tăng)/Giảm chi phí trả trước		(333.343.430)	408.764.148
14	Tiền lãi vay đã trả		(23.837.499.564)	(34.520.815.165)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(64.763.182.348)	(97.142.768.811)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(18.719.140.971)	(16.808.809.002)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		640.972.905.006	6.228.380.567
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(30.819.771.149)	(14.742.512.444)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		26.778.980	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(570.000.000.000)	(237.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		359.640.000.000	747.640.000.000
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		247.300.000	-
27	7. Tiền lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		82.228.699.784	113.010.932.458
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(158.676.992.385)	608.908.420.014

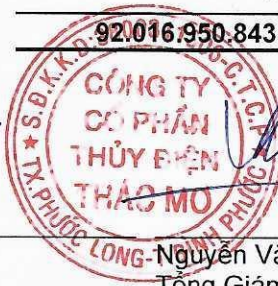
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
Năm 2024
(Theo phương pháp gián tiếp)
(Tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(50.853.956.580)	(50.853.956.580)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(398.086.692.295)	(509.151.312.651)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(448.940.648.875)	(560.005.269.231)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		33.355.263.746	55.131.531.350
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3	58.661.687.097	3.530.155.747
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	92.016.950.843	58.661.687.097


Hoàng Thị Thanh Thủy
Người lập


Bùi Thị Kim Na
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Non
Tổng Giám đốc



Bình Phước, ngày 28 tháng 03 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Năm 2024

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ ("Công ty"), tiền thân là Nhà máy Thủy điện Thác Mơ, đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam – "EVN"), là một Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (GCNĐKDN) số 4403000108 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp ngày 01/01/2008 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó. Hiện nay, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh gần nhất (lần thứ 9) số 3800311306 ngày 19/07/2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại khu 5, phường Thác Mơ, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

Tại ngày 31/12/2024, vốn điều lệ của Công ty là 700.000.000.000 VND, tương ứng 70.000.000 cổ phần (mệnh giá 10.000 VND/cổ phần).

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã cổ phiếu là TMP.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 108 người (tại ngày 01/01/2024 là 110 người).

Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- ▶ Hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng;
- ▶ Quản lý vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo và lắp đặt các thiết bị điện, các công trình thủy công, công trình kiến trúc nhà máy điện;
- ▶ Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện; xây lắp đường dây và trạm biến áp.

Cấu trúc Công ty

Thông tin về công ty con, công ty liên kết của Công ty chi tiết tại Thuyết minh 4.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 Kỳ kế toán và đơn vị tiền tệ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam ("VND").

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

Công ty cũng áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CĐKT ngày 03/09/2015, hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 1425/EVN-TCKT ngày 22/03/2019 ("Chế độ kế toán EVN").

2.3 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng bao gồm:

- ▶ Dự phòng phải thu khó đòi;
- ▶ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- ▶ Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- ▶ Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- ▶ Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- ▶ Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.4 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính riêng và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- ▶ Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- ▶ Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: Việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- ▶ Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

2.8 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.9 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định bằng phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao ước tính như sau:

▶ Nhà cửa và vật kiến trúc	10 – 25 năm
▶ Máy móc, thiết bị	05 – 12 năm
▶ Phương tiện vận tải	06 – 20 năm
▶ Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 12 năm
▶ Quyền sử dụng đất	29 – 34 năm
▶ Phần mềm máy vi tính	03 năm

2.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.12 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- ▶ Chi phí bảo hiểm đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 01 năm;

- ▶ Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất;
- ▶ Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 01 năm;
- ▶ Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian sử dụng hữu ích từ 1 đến 3 năm hoặc theo kỳ hạn hợp đồng.

2.14 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: trích trước lãi vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.19 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

- ▶ Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- ▶ Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng ngay sau khi sản lượng sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có xác nhận của Công ty Mua bán Điện và Công ty Vận hành Hệ thống Điện và Thị trường Điện Quốc Gia ("NSMO").

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- ▶ Xác định được phần công việc đã hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và doanh thu tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- ▶ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.20 Giá vốn hàng bán (điện) và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán (điện) và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm, kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.21 Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Chi phí tài chính được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Tài sản thuế TNDN hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (20%).

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Chính sách ưu đãi thuế

Công ty đang được hưởng chính sách ưu đãi thuế với dự án Nhà máy Điện mặt trời như sau:

<u>Văn bản</u>	<u>Tóm tắt các ưu đãi thuế</u>	<u>Thời hạn hiệu lực</u>
Điều 11, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015	Được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong vòng 15 năm kể từ năm có doanh thu.	Từ năm 2020
Điều 12, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015	Miễn thuế TNDN bốn năm kể từ năm có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo đối với thu nhập từ dự án.	Từ năm 2020

d) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính 2024, Công ty được áp dụng các mức thuế suất thuế TNDN như sau:

- ▶ Thuế suất 10% và được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong năm đối với thu nhập của Dự án điện mặt trời ;
- ▶ Thuế suất 20% đối với các hoạt động còn lại.

2.23 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- ▶ Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- ▶ Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- ▶ Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.24 Thông tin bộ phận

Do hoạt động của Công ty là sản xuất điện và đầu tư xây dựng các dự án điện. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3. Tiền và tương đương tiền

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng	2.016.950.843	4.661.687.097
Các khoản tương đương tiền (*)	90.000.000.000	54.000.000.000
	92.016.950.843	58.661.687.097

(*) Tại ngày 31/12/2024, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng có giá trị 90.000.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,0%/năm đến 4,4%/năm.

4. Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	447.000.000.000	237.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	447.000.000.000	237.000.000.000
b) Dài hạn	15.000.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn (**)	15.000.000.000	-
	462.000.000.000	237.000.000.000

(*) Tại ngày 31/12/2024, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng có giá trị 447.000.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,2%/năm đến 5,0%/năm.

(**) Tại ngày 31/12/2024, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn là tiền gửi có kỳ hạn 15 tháng có giá trị 15.000.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 5,0%/năm.

b. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty con				
Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	137.200.000.000	-	137.200.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắkrôsa	48.934.430.000	-	48.934.430.000	-
	186.134.430.000	-	186.134.430.000	-
Đầu tư vào công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	100.000.000.000	-	100.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ thủy điện Thác Mơ (*)	1.160.000.000	-	1.400.000.000	-
	101.160.000.000	-	101.400.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	149.580.000.000	-	149.580.000.000	-
Công ty Cổ phần Cơ điện Điện lực Đồng Nai	1.280.000.000	-	1.280.000.000	-
	150.860.000.000	-	150.860.000.000	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(*) Nghị quyết số 1167/NQ-HĐQT ngày 31/12/2024 của Hội đồng Quản trị thông qua kết quả thực hiện chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty đầu tư tại Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ thủy điện Thác Mơ. Chi tiết:

- Về số lượng cổ phần: tại ngày 01/01/2024 là 140.000 cổ phần (tỷ lệ sở hữu 35%), tại ngày 31/12/2024 là 116.000 cổ phần (tỷ lệ sở hữu 29%);
- Công ty đã thực hiện chuyển nhượng 24.000 cổ phần, tương đương 6% vốn điều lệ đang nắm giữ tại Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ thủy điện Thác Mơ theo phương thức bán đấu giá công khai cho Công ty TNHH Cơ điện Miền Đông với giá trị chuyển nhượng 247.300.000 VND.

Thông tin chi tiết về các đơn vị nhận đầu tư:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
<i>Công ty con</i>				
- Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	Lâm Đồng, Việt Nam	99,92%	100%	Sản xuất, truyền tải bán điện
- Công ty Cổ phần Thủy điện Đắkrôsa	Gia Lai, Việt Nam	61,17%	61,17%	Sản xuất, truyền tải bán điện
<i>Công ty liên kết</i>				
- Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Bình Thuận, Việt Nam	20,00%	20,00%	Sản xuất, truyền tải bán điện
- Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác hồ Thủy điện Thác Mơ	Bình Phước, Việt Nam	29,00%	29,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
<i>Đơn vị khác</i>				
- Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	Quảng Ninh, Việt Nam	3,00%	3,00%	Sản xuất, truyền tải điện
- Công ty Cổ phần Cơ điện Điện lực Đồng Nai	Đồng Nai, Việt Nam	10,00%	10,00%	Sản xuất, sửa chữa, kinh doanh thiết bị điện

5. Phải thu về cho vay

	01/01/2024	Trong năm		31/12/2024
	Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn				
<i>Phải thu về cho vay dài hạn đến hạn thu hồi</i>	14.640.000.000	14.640.000.000	14.640.000.000	14.640.000.000
Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên (*)	14.640.000.000	14.640.000.000	14.640.000.000	14.640.000.000
	14.640.000.000	14.640.000.000	14.640.000.000	14.640.000.000
Dài hạn				
Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên (*)	51.280.000.000	-	14.640.000.000	36.640.000.000
	51.280.000.000	-	14.640.000.000	36.640.000.000
Khoản đến hạn phải thu trong vòng 12 tháng	14.640.000.000	14.640.000.000	14.640.000.000	14.640.000.000
Khoản đến hạn phải thu sau 12 tháng	51.280.000.000			36.640.000.000

(*) Hợp đồng cho vay dài hạn số 01-2020/TMP-MHTN giữa Công ty và Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên ("bên đi vay"), chi tiết:

- ▶ Giá trị khoản vay: 113.500.000.000 VND, số dư tại ngày 31/12/2024 là 51.280.000.000 VND;
- ▶ Thời hạn vay: 8 năm;
- ▶ Lãi suất cho vay: lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau bình quân của 4 ngân hàng cộng (+) với chi phí biên 0,5%/năm và mức lãi suất điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần vào ngày đầu tiên của mỗi quý;
- ▶ Khoản cho vay được đảm bảo bằng dòng tiền từ doanh thu bán điện của nhà máy Thủy điện Đại Nga.

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Bên liên quan	325.572.382.411	613.740.947.926
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	319.091.273.265	594.165.802.173
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	5.666.941.466	9.075.041.683
Ban Quản lý Dự án Thủy điện 6	791.199.395	10.098.878.797
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắkrôsa	-	372.160.000
Công ty Điện lực Bình Phước - Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	22.968.285	29.065.273
Bên khác	2.348.435.491	3.160.309.886
	327.920.817.902	616.901.257.812

7. Phải thu khác

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
a.1) Chi tiết theo nội dung		
Lãi dự thu và cho vay	5.942.999.000	2.894.893.000
Phải thu về cổ tức	13.500.000.000	10.125.000.000
Các khoản chi hộ	317.593.516	34.474.592.805
Phải thu khác	3.699.107.864	1.897.778.621
	23.459.700.380	49.392.264.426

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
a.2) Chi tiết theo đối tượng		
Bên liên quan	13.817.593.516	44.599.592.805
Ban quản lý Dự án Thủy điện 6	-	27.267.692.037
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	13.500.000.000	10.125.000.000
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	52.064.416	7.206.900.768
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	40.945.950	-
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	122.837.850	-
Công ty Thủy điện Quảng Trị	101.745.300	-
Bên khác	9.642.106.864	4.792.671.621
	23.459.700.380	49.392.264.426
b) Dài hạn		
Đặt cọc thuê văn phòng	854.107.000	854.107.000
Đặt cọc khác	41.000.000	-
	895.107.000	854.107.000
8. Hàng tồn kho		
	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Nguyên liệu vật liệu	391.239.010	409.435.032
Công cụ, dụng cụ	155.200	155.200
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	165.163.793
	391.394.210	574.754.025
9. Chi phí trả trước		
	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	180.787.037	-
Gia hạn hệ thống tường lửa	347.373.875	197.250.000
Bảo hiểm	617.061.714	433.727.736
Khác	287.818.360	162.646.621
	1.433.040.986	793.624.357
b) Dài hạn	3.690.787.781	4.076.602.460
	3.690.787.781	4.076.602.460

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2024	1.343.515.540.120	1.080.485.616.088	180.009.279.283	31.307.656.632	2.635.318.092.123
Mua mới	-	22.255.503.967	5.484.762.114	3.333.441.726	31.073.707.807
Thanh lý	-	-	(394.342.491)	(62.204.040)	(456.546.531)
Tại ngày 31/12/2024	1.343.515.540.120	1.102.741.120.055	185.099.698.906	34.578.894.318	2.665.935.253.399
Hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2024	1.261.169.981.540	737.327.791.338	132.584.820.294	12.435.174.940	2.143.517.768.112
Khấu hao	6.714.349.340	51.028.048.573	5.435.960.466	3.384.325.459	66.562.683.838
Thanh lý	-	-	(394.342.491)	(62.204.040)	(456.546.531)
Tại ngày 31/12/2024	1.267.884.330.880	788.355.839.911	137.626.438.269	15.757.296.359	2.209.623.905.419
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2024	82.345.558.580	343.157.824.750	47.424.458.989	18.872.481.692	491.800.324.011
Tại ngày 31/12/2024	75.631.209.240	314.385.280.144	47.473.260.637	18.821.597.959	456.311.347.980

- ▶ Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 1.955.460.620.127 VND.
- ▶ Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 374.150.868.529 VND.

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2024	13.151.533.335	1.138.702.598	14.290.235.933
Mua trong năm	-	1.766.983.333	1.766.983.333
Tại ngày 31/12/2024	13.151.533.335	2.905.685.931	16.057.219.266
Hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2024	4.630.390.326	590.492.552	5.220.882.878
Khấu hao trong năm	429.251.004	342.218.275	771.469.279
Tại ngày 31/12/2024	5.059.641.330	932.710.827	5.992.352.157
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2024	8.521.143.009	548.210.046	9.069.353.055
Tại ngày 31/12/2024	8.091.892.005	1.972.975.104	10.064.867.109

Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng 158.280.000 VND.

Thông tin về quyền sử dụng đất, bao gồm:

- ▶ Thửa đất số 12, phường Long Thủy, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước, thời hạn sử dụng đến ngày 15/10/2043;
- ▶ Thửa đất số 55, khu phố 6, phường Thác Mơ, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước, thời hạn sử dụng đến 15/10/2043.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Tại ngày 31/12/2024, Chi phí xây dựng cơ bản dở dang với số tiền 1.633.667.898 VND là giá trị thiết bị lắp đặt, đang chờ thử nghiệm và nối vào lưới 22kV của địa phương theo Hợp đồng Cung cấp lắp đặt và thử nghiệm số 16-TB/2024/HĐ-TMP-KHVT.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Bên liên quan	5.834.601.248	4.713.702.779
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	577.972.372	138.972.373
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	4.570.560.000	3.730.909.091
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	668.800.000	-
Công ty Thí nghiệm Điện Miền Nam	17.268.876	27.123.369
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ thông tin	-	304.583.145
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	-	298.506.655
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkroa	-	165.412.500
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	-	48.195.646
Bên khác	25.310.056.112	18.486.203.249
Công ty TNHH Đồng Tâm Đà Lạt	2.372.014.360	3.357.632.919
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ	2.415.000.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Sản xuất Xây dựng Bình Phước	1.473.696.983	1.937.689.707
Công ty Cổ phần Giải pháp Quản lý Năng lượng	1.781.510.000	-
Công ty TNHH Kỹ thuật Điện V.T.E.C.H	1.564.530.880	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Coter Cold	1.095.515.840	418.975.646
Khác	14.607.788.049	12.771.904.977
	31.144.657.360	23.199.906.028

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Lãi vay trích trước	390.892.768	494.955.291
Chi phí mua điện	427.443.800	545.625.011
Chi phí sửa chữa	-	1.165.336.258
Khác	110.428.317	174.780.229
	928.764.885	2.380.696.789

15. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	-	255.906.000
Cổ tức phải trả	11.132.913.141	11.409.605.436
Khác	1.410.874.819	1.390.567.138
	12.543.787.960	13.056.078.574

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2024		Phát sinh		31/12/2024	
	Số phải thu VND	Số phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số phải thu VND	Số phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng	-	3.397.952.358	45.245.553.258	46.587.768.192	-	2.055.737.424
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	53.455.725.473	66.233.196.563	64.763.182.348	-	54.925.739.688
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.077.861.786	5.959.837.213	7.095.036.075	57.337.076	-
Thuế tài nguyên	-	3.328.693.575	75.517.929.509	74.859.946.600	-	3.986.676.484
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	462.533.700	-	1.640.702.201	1.178.168.501	-	-
Thuế môn bài	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
Phí dịch vụ môi trường rừng	-	6.787.577.088	26.765.164.260	26.381.759.652	-	7.170.981.696
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	-	8.345.704.000	8.345.704.000	-	-
	462.533.700	68.047.810.280	229.713.087.004	229.216.565.368	57.337.076	68.139.135.292

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17. Các khoản vay và nợ

	01/01/2024	Phát sinh		31/12/2024
	Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Vay dài hạn đến hạn trả	50.853.956.580	50.853.956.580	50.853.956.580	50.853.956.580
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (*)	50.853.956.580	50.853.956.580	50.853.956.580	50.853.956.580
	50.853.956.580	50.853.956.580	50.853.956.580	50.853.956.580
b) Dài hạn				
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (*)	355.977.696.063	-	50.853.956.580	305.123.739.483
	355.977.696.063	-	50.853.956.580	305.123.739.483
Khoản đến hạn trả trong 12 tháng	50.853.956.580			50.853.956.580
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	305.123.739.483			254.269.782.903

(*) Khoản vay với Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số SHBVN/CMC/122020/HDTD/TMP ngày 14/10/2020, chi tiết:

- ▶ Hạn mức: 495.000.000.000 VND, trả gốc và lãi lần cuối đến ngày 21/10/2030;
- ▶ Lãi suất: lãi suất bình quân tiền gửi tiết kiệm 12 tháng của khách hàng cá nhân tại 4 ngân hàng: VCB, Agribank, Vietinbank và BIDV + Lãi suất biên (2% cho năm đầu, các năm sau là 2,3%). Căn cứ phụ lục điều chỉnh hợp đồng vay ngày 19/12/2024, kể từ ngày 25/12/2024, lãi suất biên áp dụng cho mỗi lần tính/điều chỉnh lãi là 2%;
- ▶ Mục đích vay: tài trợ cho dự án nhà máy điện mặt trời Thác Mơ;
- ▶ Phương thức đảm bảo khoản vay: toàn bộ Nhà máy điện mặt trời Thác Mơ và các công trình phụ trợ. Khoản vay từ ngân hàng đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

Tại ngày 31/12/2024, giá trị còn lại của tài sản thế chấp cho khoản vay là 374.150.868.529 VND (Thuyết minh 10).

18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2023	700.000.000.000	56.454.368.091	290.931.473.498	503.079.420.150	1.550.465.261.739
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	448.004.213.500	448.004.213.500
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	39.445.912	(39.445.912)	-
Hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển	-	-	(93.294.941.669)	93.294.941.669	-
Đầu tư Dự án nhà máy Điện mặt trời bằng quỹ đầu tư phát triển	-	177.746.308.461	(177.746.308.461)	-	-
Mua sắm tài sản cố định bằng quỹ đầu tư phát triển	-	19.929.669.280	(19.929.669.280)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(38.920.003.000)	(38.920.003.000)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(511.000.000.000)	(511.000.000.000)
Tại ngày 01/01/2024	700.000.000.000	254.130.345.832	-	494.419.126.407	1.448.549.472.239
Trích lập quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	134.401.264.050	(134.401.264.050)	-
Phân phối lợi nhuận năm trước (*)	-	-	-	(271.810.000.000)	(271.810.000.000)
Hoàn nhập quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	-	-	-	3.872.915.250	3.872.915.250
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	352.526.512.874	352.526.512.874
Phân phối lợi nhuận năm nay (***)	-	-	-	(126.000.000.000)	(126.000.000.000)
Đầu tư TSCĐ bằng quỹ đầu tư phát triển	-	29.548.273.488	(29.548.273.488)	-	-
Tại ngày 31/12/2024	700.000.000.000	283.678.619.320	104.852.990.562	318.607.290.481	1.407.138.900.363

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Khu 5, phường Thác Mơ, thị xã Phước Long, tỉnh
Bình Phước, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-TMP-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2024, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Tổng lợi nhuận được phân phối	100	870.879.127.907
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	15	134.401.264.050
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng Người quản lý, Kiểm soát viên	2	15.587.086.250
Chi trả cổ tức bằng tiền mặt	72	628.810.000.000

Trong đó, cổ tức được chi trả làm 3 đợt:

- ▶ Tạm ứng cổ tức đợt 1 và đợt 2 với tổng số tiền là 357.000.000.000 VND (57%) đã được thực hiện trong năm 2023;
- ▶ Chi trả cổ tức đợt 3 với tổng số tiền 271.810.000.000 VND (43%) đã được thực hiện trong năm 2024.

(**) Trong năm, Công ty hoàn nhập quỹ khen thưởng phúc lợi số tiền 3.872.915.250 VND do số tạm trích năm trước lớn hơn so với số được phê duyệt theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-TMP-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2024.

(***) Công ty tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2024 theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 1031/NQ-HĐQT ngày 25/11/2024 với phương án trả cổ tức 18% bằng tiền mặt.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2024		01/01/2024	
	VND	%	VND	%
Tổng công ty Phát điện 2 - Công ty cổ phần	363.415.000.000	51,92	363.415.000.000	51,92
Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	298.437.400.000	42,63	298.437.400.000	42,63
Các cổ đông khác	38.147.600.000	5,45	38.147.600.000	5,45
	700.000.000.000	100,00	700.000.000.000	100,00

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	700.000.000.000	700.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	700.000.000.000	700.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	11.409.605.436	9.560.918.087
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	397.810.000.000	511.000.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	271.810.000.000	154.000.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm nay	126.000.000.000	357.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	398.086.692.295	509.151.312.651
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	11.132.913.141	11.409.605.436
+ Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả bằng tiền	11.132.913.141	11.409.605.436

d. Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	70.000.000	70.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	70.000.000	70.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	70.000.000
Mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu		

e. Các quỹ của Công ty

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	104.852.990.562	-

19. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	20.145.768.543	20.558.500.000
	20.145.768.543	20.558.500.000

20. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

Tài sản thuê ngoài

Công ty hiện đang thuê tài sản theo các hợp đồng thuê sau:

- ▶ Công ty thuê văn phòng theo hợp đồng số HD596/et/REE/22 ngày 15/04/2022 với Công ty TNHH Quản lý và Khai thác Bất động sản R.E.E tại tầng 8, tòa nhà E.Town 1, số 364 Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh với diện tích thuê 513m². Thời hạn thuê 5 năm kể từ ngày 20/05/2022 đến hết ngày 19/05/2027, tiền thuê được thanh toán hàng quý với đơn giá thuê cho từng giai đoạn được quy định chi tiết tại hợp đồng ;
- ▶ Công ty thuê đất theo các hợp đồng thuê để xây dựng công trình thủy điện, nhà máy Điện mặt trời tại tỉnh Bình Phước. Tiền thuê đất được trả hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Bán điện	644.407.724.602	726.541.800.471
Cung cấp dịch vụ	15.509.056.629	15.223.447.584
Khác	110.828.436	-
	660.027.609.667	741.765.248.055
Trong đó, doanh thu từ bên liên quan (Thuyết minh 32)	654.594.639.570	735.234.802.928

22. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Bán điện	247.597.369.893	239.570.046.506
Cung cấp dịch vụ	12.300.536.166	13.495.286.181
	259.897.906.059	253.065.332.687
Trong đó, mua hàng từ bên liên quan (Thuyết minh 32)	11.314.204.097	7.851.917.922

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi	13.521.303.722	40.817.192.525
Lãi cho vay	3.158.396.918	5.348.553.370
Cổ tức được chia	73.514.197.400	76.600.607.500
Khác	7.300.000	-
	90.201.198.040	122.766.353.395
Trong đó, doanh thu từ bên liên quan (Thuyết minh 32)	76.672.594.318	81.907.160.870

24. Chi phí tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí lãi vay	23.733.437.041	34.367.069.026
	23.733.437.041	34.367.069.026

25. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân viên quản lý	13.289.477.250	13.580.999.514
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.306.479.733	2.470.187.395
Thuế phí và lệ phí	543.842.740	356.317.249
Chi phí bằng tiền khác	30.662.097.750	23.440.203.131
	47.801.897.473	39.847.707.289

26. Thu nhập khác

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thanh lý nhượng bán tài sản cố định	26.778.980	-
Bảo hiểm bồi thường	-	269.687.778
Thu phạt hợp đồng	-	100.597.037
Thu nhập khác	25.000.000	-
	51.778.980	370.284.815

27. Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	418.847.346.114	537.621.777.263
- Hoạt động được hưởng ưu đãi theo thuế suất	24.338.938.422	15.863.718.671
- Hoạt động không ưu đãi	394.508.407.692	521.758.058.592
Chi phí không được trừ khi tính thuế	2.750.962.094	2.997.543.041
Điều chỉnh khác	947.899.334	-
Thu nhập chịu thuế	422.546.207.542	540.619.320.304
Cổ tức được chia	(73.514.197.400)	(76.600.607.500)
Thu nhập tính thuế	349.032.010.142	464.018.712.804
Thuế suất được ưu đãi thuế	10%	10%
Thuế suất không ưu đãi	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	67.277.718.253	91.217.370.694
Thuế TNDN được miễn giảm	(1.264.341.888)	(1.586.371.867)
Điều chỉnh thuế TNDN bổ sung năm trước	219.820.198	74.201.613
Thuế TNDN hiện hành	66.233.196.563	89.705.200.440
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	53.455.725.473	60.893.293.844
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(64.763.182.348)	(97.142.768.811)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	54.925.739.688	53.455.725.473

28. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	87.636.677
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	87.636.677

b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	87.636.677	(87.636.677)
	87.636.677	(87.636.677)

29. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thuế tài nguyên, phí dịch vụ môi trường rừng và phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	110.628.797.769	104.860.408.893
Chi phí nhân công	35.956.215.000	38.659.264.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	67.332.439.855	63.805.187.435
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.923.345.199	16.024.454.564
Chi phí khác	72.859.005.709	69.563.725.084
	307.699.803.532	292.913.039.976

30. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải rủi ro thị trường liên quan đến biến động lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác MơKhu 5, phường Thác Mơ, thị xã Phước Long, tỉnh
Bình Phước, Việt NamBáo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2024			
Tiền và các khoản tương đương tiền	92.016.950.843	-	92.016.950.843
Phải thu khách hàng, phải thu khác	351.380.518.282	895.107.000	352.275.625.282
Các khoản cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	461.640.000.000	51.640.000.000	513.280.000.000
	905.037.469.125	52.535.107.000	957.572.576.125

01/01/2024			
Tiền và các khoản tương đương tiền	58.661.687.097	-	58.661.687.097
Phải thu khách hàng, phải thu khác	666.293.522.238	854.107.000	667.147.629.238
Các khoản cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	251.640.000.000	51.280.000.000	302.920.000.000
	976.595.209.335	52.134.107.000	1.028.729.316.335

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2024			
Vay và nợ	50.853.956.580	254.269.782.903	305.123.739.483
Phải trả người bán, phải trả khác	43.688.445.320	-	43.688.445.320
Chi phí phải trả	928.764.885	-	928.764.885
	95.471.166.785	254.269.782.903	349.740.949.688
01/01/2024			
Vay và nợ	50.853.956.580	305.123.739.483	355.977.696.063
Phải trả người bán, phải trả khác	36.255.984.602	-	36.255.984.602
Chi phí phải trả	2.380.696.789	-	2.380.696.789
	89.490.637.971	305.123.739.483	394.614.377.454

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Khu 5, phường Thác Mơ, thị xã Phước Long, tỉnh
Bình Phước, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

32. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau :

Bên liên quanMối quan hệ

Ông Huỳnh Văn Khánh

Chủ tịch HĐQT

Ông Nguyễn Quang Quyền

Thành viên HĐQT

Ông Lê Tuấn Hải

Thành viên HĐQT

Ông Phạm Minh Trí

Thành viên HĐQT

Ông Nguyễn Văn Non

Thành viên HĐQT / Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hùng Lượng

Phó Tổng Giám đốc

Ông Đinh Văn Sơn

Phó Tổng Giám đốc

Bà Lê Nguyễn Khánh Linh

Trưởng Ban kiểm soát

Bà Lai Lệ Hương

Thành viên Ban kiểm soát

Bà Đoàn Sử Ngọc Trân

Thành viên Ban kiểm soát

Bà Bùi Thị Kim Na

Kế toán trưởng

Tập đoàn Điện lực Việt Nam

Công ty mẹ cao nhất

Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần

Công ty mẹ

Công ty TNHH Năng lượng R.E.E

Cổ đông lớn

Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên

Công ty con

Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa

Công ty con

Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ thủy điện Thác Mơ

Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình

Công ty liên kết

Ban Quản lý Dự án Thủy điện 6

Công ty trong cùng Tập đoàn

Công ty Cổ phần Cơ điện Điện lực Đồng Nai

Công ty trong cùng Tập đoàn

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh

Công ty trong cùng Tập đoàn

Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 2 ("PECC2")

Công ty trong cùng Tập đoàn

Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 ("PECC3")

Công ty trong cùng Tập đoàn

Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 4 ("PECC4")

Công ty trong cùng Tập đoàn

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương

Công ty trong cùng Tập đoàn

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ

Công ty trong cùng Tập đoàn

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

Công ty trong cùng Tập đoàn

Công ty Điện lực Bình Phước - Tổng Công ty Điện lực Miền Nam

Công ty trong cùng Tập đoàn

Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam

Công ty trong cùng Tập đoàn

Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh

Công ty trong cùng Tập đoàn

Công ty Thí nghiệm Điện lực TP. Hồ Chí Minh

Công ty trong cùng Tập đoàn

Công ty Thí nghiệm Điện Miền Nam

Công ty trong cùng Tập đoàn

Công ty Thủy điện Quảng Trị

Công ty trong cùng Tập đoàn

Công ty Thủy điện Sông Bung

Công ty trong cùng Tập đoàn

Công ty Thủy điện Tuyên Quang

Công ty trong cùng Tập đoàn

Công ty Viễn Thông Điện lực và Công nghệ thông tin

Công ty trong cùng Tập đoàn

Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH (EVNSPC)

Công ty trong cùng Tập đoàn

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác MơKhu 5, phường Thác Mơ, thị xã Phước Long, tỉnh
Bình Phước, Việt NamBáo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Bán điện và cung cấp dịch vụ	654.594.639.570	735.234.802.928
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	644.089.705.084	726.217.119.718
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	9.447.738.253	8.348.409.864
Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh	599.031.109	-
Công ty Điện lực Bình Phước - Tổng Công ty Điện lực Miền	318.019.518	324.680.753
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkroa	115.056.000	344.592.593
Công ty Thủy điện Tuyên Quang	25.089.606	-
Mua hàng	11.314.204.097	7.851.917.922
Công ty Điện lực Bình Phước - Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	4.274.165.732	3.939.629.600
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 ("PECC3")	4.417.777.778	3.454.545.455
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 4 ("PECC4")	619.259.259	-
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 2 ("PECC2")	406.481.481	-
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin	304.583.145	304.583.145
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkroa	322.000.000	153.159.722
Công ty Cổ phần Cơ điện Điện lực Đồng Nai	220.000.000	-
Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	192.239.355	-
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam (EVNSPC)	174.943.304	-
Công ty Thủy điện Sông Bung	382.754.043	-
Cổ tức được chia	73.514.197.400	76.558.607.500
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkroa	8.808.197.400	12.233.607.500
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	23.625.000.000	40.500.000.000
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	30.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Cơ điện Điện lực Đồng Nai	105.000.000	105.000.000
Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	10.976.000.000	13.720.000.000
Chia cổ tức	376.130.718.920	483.152.252.000
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần	206.528.744.500	265.292.950.000
Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	169.601.974.420	217.859.302.000
Lãi cho vay	3.158.396.918	5.348.553.370
Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	3.158.396.918	5.348.553.370
Thu tiền cho vay	14.640.000.000	14.640.000.000
Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	14.640.000.000	14.640.000.000
Chuyển nhượng khoản đầu tư tại công ty liên kết	240.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ thủy điện Thác Mơ	240.000.000	-

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Khu 5, phường Thác Mơ, thị xã Phước Long, tỉnh
Bình Phước, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng trong năm như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Hội đồng Quản trị	2.161.519.000	2.013.688.000
Ông Huỳnh Văn Khánh	692.620.000	872.256.000
Ông Nguyễn Văn Non	663.643.000	836.482.000
Ông Nguyễn Quang Quyền	107.172.000	96.000.000
Ông Lê Tuấn Hải	107.172.000	96.000.000
Ông Nguyễn Lê Hoàng (Miễn nhiệm ngày 22/12/2023)	-	93.419.000
Ông Phạm Minh Trí	590.912.000	19.531.000
Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	1.723.298.000	2.169.191.000
Ông Nguyễn Hùng Lượng	590.912.000	743.954.000
Ông Đinh Văn Sơn	590.912.000	743.954.000
Bùi Thị Kim Na	541.474.000	681.283.000
Ban kiểm soát	825.718.000	964.288.000
Bà Lê Nguyễn Khánh Linh	611.374.000	408.360.504
Ông Hồ Thành Công (Miễn nhiệm ngày 22/06/2023)	-	363.927.496
Bà Lai Lệ Hương	107.172.000	96.000.000
Bà Đoàn Sử Ngọc Trân	107.172.000	96.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

33. Số liệu so sánh

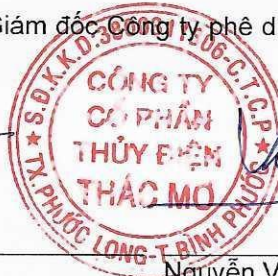
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam kiểm toán.

34. Phê duyệt Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng này đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và chấp thuận phát hành vào ngày 28 tháng 03 năm 2025.

Hoàng Thị Thanh Thủy
Người lập

Bùi Thị Kim Na
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Non
Tổng Giám đốc

Bình Phước, ngày 28 tháng 03 năm 2025

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ NĂM 2024**

Kính trình Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22/06/2023;

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (Công ty) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT trong năm 2024 và phương hướng hoạt động năm 2025 như sau:

PHẦN THỨ NHẤT

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2024

I. Kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:

Thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 ngày 22/04/2024, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Công ty xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện, hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu, đảm bảo sự phát triển ổn định của Công ty đã duy trì nhiều năm qua, cụ thể như sau:

1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty so với Nghị quyết ĐHĐCĐ.

Đơn vị tính: tỷ đồng

Stt	Nội dung	KH năm 2024 (ĐHĐCĐ giao)	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ TH/KH
1	Sản lượng điện sản xuất (Tr.kWh)	723	821	113%
2	Tổng doanh thu	642,171	750,281	117%
3	Tổng chi phí	357,391	331,433	93%
4	Tổng lợi nhuận trước thuế	284,780	418,847	147%
5	Tổng lợi nhuận sau thuế	241,964	352,527	146%
6	Tỷ lệ chi trả cổ tức	20%	20%	100%

1.2 Kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2024 của Công ty so với thực hiện năm 2023.

Đơn vị tính: tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện 2023	Thực hiện 2024	So sánh 2024/2023
1	Tổng doanh thu	985,52	831,334	87%
2	Tổng chi phí	404,08	405,721	100%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	554,44	425,612	77%
4	Tổng lợi nhuận sau thuế	460,18	355,153	77%
4.1	<i>Trong đó, LNST của Công ty Mẹ</i>	454,98	350,354	77%
4.2	<i>LNST của CĐ không kiểm soát</i>	5,20	4,799	92%

II. Các hoạt động của HĐQT

1. Các cuộc họp HĐQT và lấy ý kiến thành viên HĐQT, ban hành các quyết định thuộc thẩm quyền

HĐQT duy trì các cuộc họp thường kỳ, thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc, quy định theo quy chế làm việc của HĐQT, đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty. Năm 2024, HĐQT đã thực hiện 07 cuộc họp HĐQT và các cuộc họp khác bằng cách lấy phiếu ý kiến để thực hiện các nghị quyết đại hội, thông qua các kế hoạch và các báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh quý, 6 tháng, năm; hoạch định kế hoạch kinh doanh theo quý, năm; giải quyết các vấn đề về đầu tư phát triển, các định hướng chiến lược và phát triển kinh doanh. Đã ký ban hành các nghị quyết, quyết định đúng chức trách nhiệm vụ của HĐQT.

Trong năm 2024, từng Thành viên HĐQT đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình theo quyền hạn được quy định trong Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và các nhiệm vụ được phân công theo Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động trong Công ty, các bên có quyền, lợi ích liên quan và sự phát triển của Công ty, HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành một cách sát sao và kịp thời để hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024.

2. Chi trả cổ tức năm 2023

Căn cứ vào phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 và nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 về chỉ tiêu cổ tức chia cho cổ đông, HĐQT đã chỉ đạo thực hiện chi trả hoàn thành cổ tức năm 2023 cho cổ đông.

3. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban điều hành Công ty

Ban điều hành Công ty đã có nhiều nỗ lực trong việc tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Ban điều hành đã tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một cách có hiệu quả, mang lại lợi ích thiết thực cho Công ty thông qua việc thực hiện tốt việc nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, năng suất lao động và tối ưu hóa chi phí của Công ty.

Trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban điều hành thường xuyên báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình sản xuất, hoạt động kinh doanh cũng như tình hình tài chính và các mặt hoạt động khác của Công ty để có ý kiến chỉ đạo kịp thời.

PHẦN THỨ HAI

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

Trên cơ sở kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024, HĐQT Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 với các chỉ tiêu chủ yếu sau:

- Sản lượng điện sản xuất: 732 triệu kWh (trong đó: Thủy điện 663 triệu kWh, điện mặt trời 69 triệu kWh).

- Tổng doanh thu: 703,46 tỷ đồng.

- Tổng chi phí: 362,72 tỷ đồng.

- Lợi nhuận trước thuế: 340,74 tỷ đồng..

- Tỷ lệ chia cổ tức: 20%.

Để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch nói trên, HĐQT xác định mục tiêu, nhiệm vụ chiến lược trong năm 2025 của Công ty như sau:

1. Vận hành an toàn các nhà máy, khai thác tối ưu hồ chứa, sẵn sàng đáp ứng yêu cầu hệ thống bên cạnh thực hiện tiết kiệm điện hiệu quả.

2. Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật, triển khai các giải pháp không để xảy ra sự cố, nâng cao độ tin cậy và kéo dài tuổi thọ các tổ máy.

3. Tiếp tục thực hiện công tác nhận chuyển nhượng Dự án Nhà máy Thủy điện Thác Mơ mở rộng.

4. Thực hiện thủ tục chuẩn bị đầu tư dự án Nhà máy điện mặt trời thác mơ giai đoạn 2 (100 MWp).

5. Tiếp tục tìm kiếm đầu tư dự án nguồn điện có hiệu quả để mở rộng quy mô và tăng năng lực sản xuất điện của Công ty.

6. Nâng cấp hạ tầng mạng truyền dẫn viễn thông phục vụ giám sát và điều hành sản xuất tại Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ.

7. Thực hiện thủ tục đầu tư Văn phòng làm việc Tp. Hồ Chí Minh.

8. Thực hiện tốt công tác quản lý, quy hoạch sử dụng và khai thác hiệu quả đất đai Công ty. Hoàn thiện hồ sơ pháp lý để bảo vệ các khu đất tại: Khu vực Đập Tràn, Bán đảo Sơn Trung, Khu đất dự trữ an toàn đập, đất hành lang bảo vệ công trình...

9. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo trong mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

10. Thực hiện tiết kiệm chống lãng phí, thực thi văn hóa Công ty, quy tắc ứng xử, đảm bảo ổn định việc làm, thu nhập và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

Năm 2024, HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ; đoàn kết, trách nhiệm cùng Ban điều hành, người lao động hoàn thành Nghị quyết Cổ đông giao. HĐQT cam kết tiếp tục nỗ lực cùng tập thể cán bộ Lãnh đạo và toàn thể Người lao động khắc phục khó khăn, thách thức để hoàn thành tốt nhất các mục tiêu, kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đề ra trong năm 2025.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ trong năm 2024 và những mục tiêu, nhiệm vụ chiến lược trong năm 2025.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua.

(Báo cáo này thay thế Báo cáo số 259/BC-HĐQT ngày 03/04/2025 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ).

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, NPTQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Huỳnh Văn Khánh

BÁO CÁO
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP
CÔNG TY TRONG BỘ PHẬN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị thuộc bộ phận Kiểm toán nội bộ (KTNB) xin được báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) kết quả hoạt động và giám sát năm 2024 như sau:

I. Tổ chức bộ máy và hoạt động của bộ phận KTNB:

1. Thành phần, cơ cấu bộ phận KTNB:

Ông Lê Tuấn Hải - Thành viên độc lập HĐQT, Trưởng bộ phận kiểm toán nội bộ.

2. Cơ chế hoạt động của bộ phận KTNB:

Bộ phận KTNB hoạt động theo Quy chế hoạt động do HĐQT ban hành, phù hợp với Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành (Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019, Nghị định 155 hướng dẫn Luật Chứng khoán, Thông tư 116 hướng dẫn Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Nghị định 155).

3. Các cuộc họp của bộ phận kiểm toán nội bộ trong năm 2024:

Stt	TV HĐQT độc lập trong bộ phận KTNB	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp và biểu quyết
01	Ông Lê Tuấn Hải	3/3	100%

4. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Thành viên độc lập HĐQT trong bộ phận kiểm toán nội bộ:

- Chi tiết thù lao của các thành viên thuộc bộ phận KTNB được thể hiện trong báo cáo hoạt động của HĐQT. Ngoài phần thù lao này, các thành viên bộ phận KTNB không hưởng thêm các khoản lợi ích hay thù lao nào khác.

- Chi phí hoạt động của bộ phận KTNB năm 2024: tuân thủ các quy định nội bộ của Công ty.

5. Hoạt động giám sát của bộ phận KTNB đối với vấn đề quản trị của công ty:

- Bộ phận KTNB thực hiện giám sát các vấn đề quản trị công ty thông qua các cuộc họp, trao đổi, cách thức đưa ra Nghị quyết của HĐQT; việc chấp hành các Nghị quyết của HĐQT cũng như cơ chế phân quyền giữa HĐQT và Tổng giám đốc.

- Hoạt động giám sát của bộ phận KTNB được triển khai đa dạng qua các kênh báo cáo và tiếp xúc với các thành viên Ban điều hành, Kế toán trưởng cũng như đơn vị kiểm toán độc lập.

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, bộ phận KTNB luôn phối hợp tốt với các thành viên HĐQT, thành viên Ban điều hành, các cán bộ quản lý liên quan và luôn nhận được sự hợp tác từ phía Ban điều hành.

- Bộ phận KTNB thực hiện báo cáo định kỳ hàng quý hoặc đột xuất kết quả giám sát lên HĐQT.

II. Kết quả giám sát của bộ phận KTNB:

1. Tình hình thực hiện Nghị quyết của HĐQT và kiến nghị của bộ phận KTNB:

- Tất cả các vấn đề quan trọng đều được thảo luận công khai, dân chủ trong HĐQT. Các vấn đề được đánh giá, thảo luận thấu đáo, cân trọng để đi đến quyết định thống nhất trước khi ban hành Nghị quyết.

- Tổng giám đốc và Ban điều hành luôn bám sát và thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của HĐQT đã ban hành.

- Báo cáo giám sát của bộ phận KTNB được gửi đến HĐQT xem xét. Các khuyến nghị được chấp thuận và gửi đến Ban điều hành và đơn vị liên quan.

2. Báo cáo tài chính và hệ thống kế toán:

- Bộ phận KTNB ghi nhận và thông qua báo cáo tài chính (BCTC) năm 2024 đã được kiểm toán. BCTC năm 2024 đã được lập và trình bày phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, không phát hiện các sai sót trọng yếu có thể ảnh hưởng đến tính trung thực của BCTC.

- Các BCTC quý, bán niên cũng được bộ phận KTNB xem xét định kỳ, làm rõ các thông tin tài chính, đầu tư trọng yếu.

- Không phát hiện các biến động bất thường đối với các khoản mục trọng yếu về tài sản và kết quả kinh doanh. Các chính sách kế toán và nguyên tắc xác định ước tính kế toán được áp dụng nhất quán. Trường hợp có phát sinh mới trong việc áp dụng chính sách kế toán đều được xem xét, đánh giá, thảo luận kỹ lưỡng và đạt được sự đồng thuận với bộ phận KTNB và đơn vị kiểm toán độc lập trước khi thực hiện.

3. Giao dịch với các bên liên quan:

Giao dịch với các bên liên quan được kiểm soát chặt chẽ và tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ, quy định của công ty về kiểm soát và giao dịch giữa các bên liên quan, không phát hiện vấn đề cần lưu ý.

4. Hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro:

- Hoạt động quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ đã có những cải thiện rõ rệt được ghi nhận.

- Các quy trình hoạt động được ban hành trong công ty, các rủi ro trọng yếu được phát hiện và theo dõi, quản lý sát sao để có thể nhận dạng kịp thời, đánh giá phù hợp và có hành động xử lý thích hợp.

- Các khó khăn, vướng mắc, rủi ro trọng yếu được phát hiện và báo cáo kịp thời hoặc qua các cuộc họp Ban điều hành hàng tháng có sự tham gia của lãnh đạo cấp cao nhất để ứng phó và giải quyết quyết liệt, hiệu quả.

5. Kiểm toán nội bộ:

- Chức năng kiểm toán nội bộ có vị thế và vai trò rất quan trọng trong hệ thống quản trị công ty và đã được thiết kế, tổ chức thực hiện theo các quy định của pháp luật.

- Hoạt động kiểm toán nội bộ đã giúp Ban lãnh đạo phát hiện kịp thời các khiếm khuyết trong hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro trọng yếu mới nổi lên để khuyến nghị các giải pháp phù hợp, nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát và quản lý rủi ro.

- Năm 2024, KTNB đã hoàn thành công việc được giao theo kế hoạch hoạt động được phê duyệt.

- KTNB luôn theo dõi để đảm bảo hoạt động KTNB có hiệu quả có chất lượng, hiệu quả.

- Trong năm qua, Ban lãnh đạo đã quan tâm, củng cố nguồn lực cho KTNB đáp ứng nhu cầu kiểm soát của công ty cũng như kỳ vọng của KTNB.

6. Các vấn đề tuân thủ pháp luật:

- Công ty đã ban hành và thực hiện nghiêm túc các quy trình kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

- Hàng quý, KTNB thực hiện đánh giá rủi ro pháp lý dựa trên báo cáo của Ban điều hành để đảm bảo rằng các rủi ro pháp lý được kiểm soát thích hợp.

7. Đánh giá kết quả và chất lượng kiểm toán độc lập:

Bộ phận KTNB đánh giá Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng kiểm toán đã ký kết với Công ty, đáp ứng kỳ vọng của bộ phận KTNB trên các tiêu chí như: Đảm bảo độ tin cậy, trung thực và chất lượng của báo cáo kiểm toán trên các khía cạnh trọng yếu; tuân thủ thời hạn kiểm toán theo quy định, tuân thủ các quy định về nghề nghiệp, đảm bảo tính độc lập, khách quan khi đưa ra các ý kiến kiểm toán.

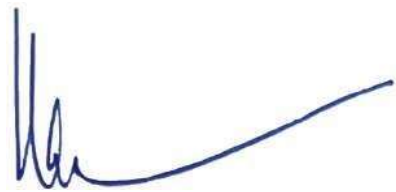
Trên đây là Báo cáo kết quả hoạt động của Thành viên độc lập HĐQT trong bộ phận KTNB năm 2024, kính trình ĐHĐCĐ.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, TKCT.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2025
TRƯỞNG BỘ PHẬN KIỂM TOÁN NỘI BỘ
THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT



Lê Tuấn Hải

Số: 09/BC-BKS

Bình Phước, ngày 02 tháng 6 năm 2025

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ
NĂM 2024**

Kính trình Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22 tháng 6 năm 2023;

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ kính trình Đại hội đồng cổ đông Báo cáo hoạt động kiểm soát năm 2024 và Kế hoạch hoạt động kiểm soát năm 2025 của Ban kiểm soát như sau:

**PHẦN THỨ NHẤT
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH,
THẨM TRA TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH, BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM 2024**

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Số liệu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 so với Nghị quyết ĐHĐCĐ:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ TH/KH
1	Sản lượng điện (sản xuất)	Triệu kWh	723	821	113%
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	642.171	750.281	117%
3	Tổng chi phí	Triệu đồng	357.391	331.433	93%
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	284.780	418.847	147%
5	Thuế TNDN	Triệu đồng	42.816	66.320	155%
6	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	241.964	352.527	146%
7	Tỷ lệ chi trả cổ tức trên VDL	%	20%	30%	

Ghi chú: Tỷ lệ chi trả cổ tức trên VDL thực hiện năm 2024 căn cứ trên phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 HĐQT trình ĐHĐCĐ thông qua.

Ban kiểm soát nhận xét, đánh giá trong năm 2024 Công ty hoạt động SXKD hiệu quả, các chỉ tiêu về sản lượng điện, doanh thu, lợi nhuận đều vượt kế hoạch ĐHĐHĐ giao. Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2024 HĐQT trình ĐHĐCĐ thông qua là 30%, thực hiện chi trả bằng tiền, đảm bảo tỷ lệ ĐHĐCĐ đã đề ra.

2. Kết quả kinh doanh hợp nhất của Công ty

STT	Chỉ tiêu	Đvt	TH 2023	TH 2024	TH 2024/ 2023
1	Sản lượng điện (sản xuất)	Triệu kWh	900	810	90%
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	958.521	831.334	87%
4	Tổng chi phí	Tỷ đồng	404.082	405.721	100%
5	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	554.440	425.612	77%
6	Tổng lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	460.183	355.153	77%
6.1	<i>Trong đó, LNST của Công ty Mẹ</i>	Tỷ đồng	454.984	350.354	77%
6.2	<i>LNST của CĐ không kiểm soát</i>	Tỷ đồng	5.198	4.799	92%
7	Tỷ suất LNST/VCSH (ROE)	%	28,10	22,72	

Kết quả SXKD hợp nhất của Công ty giảm so với năm 2023, nguyên nhân khách quan do Công ty mẹ và các công ty con SXKD chủ yếu là thủy điện nên chịu ảnh hưởng tình hình thủy văn, lưu lượng nước về hồ kém hơn so với cùng kỳ dẫn đến sản lượng điện và doanh thu sụt giảm. Tuy nhiên, các đơn vị đều nỗ lực phấn đấu đạt kế hoạch SXKD và thực hiện chi trả cổ tức. Tỷ lệ cổ tức năm 2024 của Mỹ Hưng Tây Nguyên và Đắkrosa dự kiến lần lượt là 8% và 18% (tương đương năm 2023).

3. Thẩm tra báo cáo tài chính năm 2024

Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC. Ban kiểm soát đã thực hiện thẩm tra báo cáo tài chính, thống nhất với ý kiến của kiểm toán viên:

Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2024 đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và hợp nhất.

3.1 Các chỉ tiêu Báo cáo tài chính hợp nhất

Chỉ tiêu	Đvt	Tại 31/12/2023	Tại 31/12/2024
- Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	1.015.615	943.849
- Tài sản dài hạn	Triệu đồng	1.129.570	1.081.082
- Tổng cộng tài sản	Triệu đồng	2.145.185	2.024.931
- Nợ phải trả	Triệu đồng	558.304	485.027
- Nguồn vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	1.586.881	1.539.905
- Tổng cộng nguồn vốn	Triệu đồng	2.145.185	2.024.931

3.2 Các chỉ tiêu tài chính hợp nhất chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024
Chỉ tiêu về cơ cấu tài sản		
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	47,34%	46,61%
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	52,66%	53,39%
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
- Hệ số nợ/Tổng nguồn vốn	26,03%	23,95%
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	31,96%	29,63%
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	73,97%	76,05%
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
- Khả năng thanh toán nhanh (lần)	4,49	4,60
- Khả năng thanh toán tổng quát (lần)	3,84	4,17
- Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	4,50	4,61
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	20,73%	17,03%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	28,10%	22,72%

Báo cáo tình hình kinh doanh hợp nhất và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 của Công ty phản ánh:

1) Các chỉ tiêu về cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

Tỷ lệ tài sản ngắn hạn và dài hạn trong cơ cấu tổng tài sản không biến động nhiều so với năm trước. Đặc thù của các nhà máy điện là tài sản dài hạn thường chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu tổng tài sản, tuy nhiên do giá trị còn lại của TSCĐ sau khấu hao còn khá thấp nên tỷ trọng giữa tài sản dài hạn và ngắn hạn của Công ty không quá chênh lệch.

Tỷ lệ vốn chủ sở hữu trong tổng nguồn vốn chiếm tỷ trọng lớn gần $\frac{3}{4}$, không biến động nhiều so với năm trước. Nợ phải trả của Công ty chủ yếu là khoản vay cho dự án điện mặt trời và sẽ giảm dần nợ gốc qua các năm. Chiếm phần lớn trong

cơ cấu nguồn vốn là vốn góp của chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

2) Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán: Khả năng thanh toán nhanh, khả năng thanh toán hiện hành, khả năng thanh toán tổng quát của Công ty đều có hệ số lớn hơn 4 lần, đảm bảo khả năng chi trả của Công ty.

3) Các chỉ tiêu về hiệu quả: ROA và ROE của Công ty có giảm so với năm trước do nguyên nhân khách quan về tình hình thủy văn như đã nêu, tuy nhiên vẫn ở mức tốt so với trung bình các năm.

Qua các chỉ tiêu tài chính đã phân tích, Ban kiểm soát nhận xét, đánh giá trong năm 2024 Công ty hoạt động SXKD hiệu quả, tình hình tài chính ổn định, dòng tiền luôn được bảo đảm để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển, chi trả cổ tức, trả nợ vay, ... và các hoạt động khác. Công ty đã bảo toàn và phát triển vốn.

PHẦN THỨ HAI

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT NĂM 2024

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên:

1. Bà Lê Nguyễn Khánh Linh - Trưởng ban.
2. Bà Đoàn Sử Ngọc Trân - Thành viên.
3. Bà Lai Lệ Hương - Thành viên.

Trong năm 2024, Ban kiểm soát đã thực hiện các nhiệm vụ chính sau:

- Trình báo cáo hoạt động kiểm soát, báo cáo thẩm định tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban điều hành lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên năm 2024.

- Kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 đối với HĐQT và Ban điều hành.

- Theo dõi, giám sát việc triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT Công ty.

- Trình ĐHĐCĐ thông qua phương án lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện soát xét báo cáo tài chính 6 tháng và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty.

- Kiểm tra hoạt động SXKD, ĐTXD, tình hình tài chính và các công tác khác trong Quý IV năm 2023 và 6 tháng đầu năm 2024 của Công ty cổ phần thủy điện Thác Mơ.

- Kiểm tra việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của HĐQT, BKS, hoạt động SXKD trong năm 2023 và 6 tháng đầu năm 2024 tại Công ty Cổ phần Thủy điện Đắkrosa (công ty con).

- Theo dõi, giám sát công tác quản trị dòng tiền, quản lý thu hồi nợ khó đòi và các khoản công nợ khác của Công ty.

- Thẩm định tình hình kinh doanh và báo cáo tài chính quý, 6 tháng và cả năm của Công ty.

- Tổ chức các cuộc họp định kỳ của Ban kiểm soát.

- Tham gia các phiên họp của Hội đồng quản trị (HĐQT), các cuộc họp giao ban hàng tháng của Ban điều hành để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình đầu tư và tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban điều hành Công ty.

- Giám sát việc công bố thông tin định kỳ, bất thường của Công ty.

Đánh giá: Trong năm 2024, Các thành viên Ban kiểm soát Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Ban kiểm soát chưa ghi nhận dấu hiệu bất thường nào làm ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty hay vi phạm quy định pháp luật của Công ty trong công tác, hoạt động của các thành viên HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý. Ngoài ra, Ban kiểm soát không ghi nhận khiếu nại nào của Cổ đông về các sai phạm của HĐQT và Ban điều hành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

PHẦN THỨ BA

ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH VÀ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO CỦA HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

1. Đánh giá công tác quản lý của HĐQT

- Trong năm 2024 Hội đồng quản trị đã giám sát, chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng của Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ổn định, hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn.

- Hoạt động của HĐQT trong năm 2024 phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đáp ứng kịp thời yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Hội đồng quản trị đã tổ chức họp HĐQT định kỳ và tổ chức lấy ý kiến bằng phiếu theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, ban hành nhiều nghị

quyết và quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT.

2. Đánh giá hoạt động của Ban điều hành

- Ban điều hành đã có nhiều nỗ lực, chủ động trong việc tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

- Ban điều hành đã tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có hiệu quả, mang lại lợi ích thiết thực cho Công ty, luôn tìm kiếm thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, năng suất lao động và tối ưu hóa chi phí của Công ty.

- Trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban điều hành thường xuyên báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình sản xuất, hoạt động kinh doanh cũng như tình hình tài chính và các mặt hoạt động khác của đơn vị để có ý kiến chỉ đạo kịp thời.

- Tổ chức quản lý, vận hành các nhà máy điện sản xuất an toàn, ổn định và hiệu quả; thực hiện tốt Đề án nâng cao độ tin cậy và hiệu suất vận hành NMTĐ Thác Mơ và Đề án nâng cao hiệu quả quản lý công tác an toàn giai đoạn 2021-2025.

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp ngân sách nhà nước.

Trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban điều hành đã nỗ lực khắc phục các vấn đề tồn tại từ các năm trước và đạt được một số kết quả như: Thu hồi phần lớn công nợ liên quan đến dự án Nhà máy thủy điện Thủy điện Thác Mơ mở rộng, đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, thoái một phần vốn tại Công ty khai thác Hồ thủy điện Thác Mơ, hoàn thành việc xin cấp giấy phép môi trường cho nhà máy thủy điện Thác Mơ... Tuy nhiên vẫn còn một số tồn tại như sau:

+ Tiến độ thực hiện các hạng mục phát triển khoa học công nghệ, sửa chữa bảo dưỡng thiết bị nhà máy chưa đạt kế hoạch được giao, phải chuyển tiếp sang năm sau.

+ Công tác quản lý đất đai còn một số khó khăn: liên quan đến diện tích đất chồng lấn giữa Quy hoạch mở dự trữ (Bauxit) với diện tích đất công trình hồ chứa, đề đập hiện hữu của Nhà máy Thủy điện Thác Mơ; ngăn chặn tình trạng lấn chiếm của người dân vào đất do Công ty quản lý,...

+ Công tác thu hồi công nợ tiền điện chưa triệt để.

+ Các thông tin bất lợi liên quan đến giá FIT nhà máy điện mặt trời.

+ Việc quản lý, bảo quản thiết bị tránh khỏi hư hỏng của Nhà máy điện mặt trời Thác Mơ còn hạn chế.

+ Chưa thoái được toàn bộ phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Khai thác Hồ thủy điện Thác Mơ.

+ Công tác tìm kiếm dự án đầu tư còn gặp nhiều hạn chế, chưa có tín hiệu tích cực; trong đó việc nhận chuyển giao Nhà máy Thủy điện Thác Mơ mở rộng chưa có tiến triển.

3. Thẩm định báo cáo của HĐQT, Ban điều hành Công ty

Ban kiểm soát đã thực hiện thẩm định Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban điều hành Công ty trong năm 2024 và thống nhất với số liệu, kết quả báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty.

PHẦN THỨ BỐN

KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát kiến nghị Đại hội đồng cổ đông chỉ đạo Công ty thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành kế hoạch năm 2025 được Đại hội đồng cổ đông giao, tiếp tục triển khai quyết liệt các biện pháp khắc phục tồn tại, nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành hoạt động SXKD, ĐTXD, cụ thể một số nội dung trọng tâm như sau:

- Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật, thường xuyên theo dõi tình trạng của các tổ máy, thiết bị, công trình, chủ động trong công tác bảo trì, sửa chữa nhằm nâng cao độ tin cậy của các tổ máy, thiết bị, công trình đảm bảo vận hành ổn định, an toàn và hiệu quả, đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật được giao, tuyệt đối không để xảy ra sự cố vận hành.

- Thực hiện công tác sửa chữa lớn đảm bảo chất lượng, đúng tiến độ và thanh quyết toán theo quy định.

- Bám sát tình hình thủy văn để đáp ứng huy động của Trung tâm điều độ hệ thống điện Quốc gia, đồng thời có giải pháp, chiến lược tham gia thị trường điện hiệu quả, mang lại doanh thu cao nhất cho Công ty.

- Có các giải pháp hiệu quả để quản lý, bảo quản máy móc, thiết bị của Nhà máy điện mặt trời Thác Mơ, khắc phục kịp thời ngay khi có hư hỏng.

- Tiếp tục thực hiện việc cập nhật, sửa đổi, bổ sung kịp thời các quy chế quản lý nội bộ của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật và của ngành.

- Đẩy mạnh triển khai thực hiện các đề tài hoạt động khoa học công nghệ theo kế hoạch, sử dụng hiệu quả Quỹ phát triển khoa học công nghệ.
- Tăng cường công tác quản lý đất đai, làm việc với các cơ quan chức năng địa phương để giải quyết tình trạng bị lấn chiếm, canh tác trên đất Công ty đang quản lý, hoàn chỉnh hồ sơ liên quan đến quyền sử dụng đất.
- Thường xuyên theo dõi, giám sát hiệu quả các khoản đầu tư tại các doanh nghiệp khác; đặc biệt là công tác SXKD tại các công ty con.
- Tiếp tục thực hiện các giải pháp quản trị dòng tiền, nâng cao hiệu quả sử dụng dòng tiền.
- Tiếp tục xử lý thu hồi công nợ còn tồn đọng trong các năm trước; thường xuyên theo dõi, phân tích tuổi nợ và có biện pháp thu hồi công nợ kịp thời không để chiếm dụng vốn, giảm thiểu phát sinh nợ tồn đọng, nợ phải thu khó đòi.
- Tìm kiếm các cơ hội đầu tư dự án nguồn điện, nâng cao công suất cho các nhà máy hiện hữu; tiếp tục bám sát cơ quan có thẩm quyền trong việc chuyển giao Nhà máy Thủy điện Thác Mơ mở rộng.

PHẦN THỨ NĂM

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KIỂM SOÁT NĂM 2025

STT	Nội dung	Thời gian
1	- Giám sát kiểm toán BCTC năm 2024; - Thẩm tra BCTC năm 2024; - Lập báo cáo hoạt động kiểm soát năm 2024 trình ĐHĐCĐ; - Trình ĐHĐCĐ đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC 2024; - Họp Ban kiểm soát quý I.	Quý I/2025
2	- Kiểm soát trực tiếp hoạt động SXKD, tình hình tài chính cả năm 2024 và quý I/2025; - Kiểm soát, giám sát thường xuyên hoạt động SXKD, tình hình tài chính quý I năm 2025 Công ty mẹ; - Họp Ban kiểm soát quý II.	Quý II/2025
3	- Giám sát soát xét BCTC bán niên 2025; - Thẩm tra BCTC bán niên 2025; - Kiểm soát trực tiếp hoạt động SXKD, tình hình tài chính tại CTCP Mỹ Hưng Tây Nguyên năm 2024 và 6 tháng đầu năm 2025; - Kiểm soát tình hình thực hiện công bố thông tin của Công ty mẹ TMP giai đoạn 2023-2025; - Họp Ban kiểm soát quý III.	Quý III/2025

STT	Nội dung	Thời gian
4	- Kiểm soát, giám sát thường xuyên hoạt động SXKD, tình hình tài chính quý III Công ty mẹ; - Giám sát kiểm kê tài sản nguồn vốn 2025; - Hợp Ban kiểm soát quý IV.	Quý IV/2025
5	- Giám sát thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ, nghị quyết/ quyết định HĐQT; việc chấp hành điều lệ, pháp luật của Công ty; - Tham dự các phiên họp HĐQT, các cuộc họp Công ty; - Theo dõi kết quả làm việc của đoàn thanh kiểm tra, kiểm toán, kiểm soát trong và ngoài ngành theo quy định; giám sát kết quả khắc phục của Công ty đối với kiến nghị của các đoàn thanh kiểm tra.	Thường xuyên

Trên đây là báo cáo hoạt động kiểm soát năm 2024 và kế hoạch hoạt động kiểm soát năm 2025 của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ.

Báo cáo này thay thế cho Báo cáo số 05/BC-BKS ngày 01/4/2025. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- NPTQT;
- Lưu: VT, BKS.

Lê Nguyễn Khánh Linh

Số: 437/TTr-HĐQT

Bình Phước, ngày 05 tháng 06 năm 2025

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và kế hoạch năm 2025
của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Kính trình Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22/06/2023;

Căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024 của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và kế hoạch năm 2025 của Công ty như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024

Đvt: đồng

Stt	Nội dung	Phân phối lợi nhuận 2024
I	Tổng lợi nhuận được phân phối	444.607.290.481
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN 2024	352.526.512.874
2	Lợi nhuận các năm trước để lại	92.080.777.607
II	Phương án phân phối lợi nhuận	323.453.359.862
1	Quỹ Đầu tư phát triển	105.757.953.862
2	Quỹ khen thưởng phúc lợi	6.989.100.000
3	Quỹ khen thưởng phúc lợi tăng thêm	0
4	Quỹ thưởng Người quản lý, KSV	706.306.000
5	Cổ tức bằng tiền mặt	210.000.000.000
	Trong đó:	
	- Đã tạm ứng đợt 1 (18%)	126.000.000.000
	- Còn lại chi trả trong năm 2025	84.000.000.000
6	Lợi nhuận để lại	121.153.930.619

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025

- Tỷ lệ cổ tức: 20%.
- Trích quỹ Đầu tư phát triển: Tối đa 30% lợi nhuận sau thuế năm 2025.
- Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi: Theo quy định tại Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025.
- Trích quỹ thưởng Người quản lý, Kiểm soát viên: Theo quy định tại Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

(Tờ trình này thay thế Tờ trình số 260/TTr-HĐQT ngày 03/04/2025 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, NPTQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

A red circular stamp of Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ is visible. The stamp contains the text "CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ" and "S.Đ. K.K.D. 380031/306-C.T.Đ.". Overlaid on the stamp is a handwritten signature in blue ink, followed by a long horizontal blue ink line.

Huỳnh Văn Khánh

**TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

Thông qua báo cáo tiền lương, thù lao năm 2024 và tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2025 của Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Kính trình Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22/06/2023;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ kính trình Đại hội đồng cổ đông Báo cáo tiền lương, thù lao năm 2024 và dự kiến tiền lương, thù lao năm 2025 của Thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Kiểm soát (BKS) như sau:

1. Tiền lương, thù lao năm 2024 của Thành viên HĐQT và BKS

Tổng: 2.112.060.000 đồng, trong đó:

- | | |
|---|-------------------|
| - Tiền lương Chủ tịch HĐQT chuyên trách: | 617.160.000 đồng. |
| - Tiền lương Thành viên HĐQT chuyên trách: | 525.732.000 đồng. |
| - Thù lao Thành viên HĐQT không chuyên trách: | 210.288.000 đồng. |
| - Tiền lương Trưởng BKS chuyên trách: | 548.592.000 đồng. |
| - Thù lao Thành viên BKS không chuyên trách: | 210.288.000 đồng. |

2. Tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2025 của Thành viên HĐQT và BKS

Tổng: 1.694.736.000 đồng, trong đó:

- | | |
|---|-------------------|
| - Tiền lương Chủ tịch HĐQT chuyên trách: | 492.012.000 đồng. |
| - Tiền lương Thành viên HĐQT chuyên trách: | 396.348.000 đồng. |
| - Thù lao Thành viên HĐQT không chuyên trách: | 237.816.000 đồng. |
| - Tiền lương Trưởng BKS chuyên trách: | 410.016.000 đồng. |
| - Thù lao Thành viên BKS không chuyên trách: | 158.544.000 đồng. |

Kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

(Báo cáo này thay thế Báo cáo số 261/BC-HĐQT ngày 03/04/2025 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, NPTQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

A handwritten signature in blue ink is written over a red circular stamp. The stamp contains the text "CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ" and "TX PHƯỚC LONG-T. BÌNH PHƯỚC". The signature is a cursive script.

Huỳnh Văn Khánh

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
**Thông qua báo cáo giao dịch giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ với các
bên có liên quan năm 2024 và dự kiến các giao dịch năm 2025**

Kính trình Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22/06/2023;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua giao dịch giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ với các bên có liên quan như sau:

1. Thông qua báo cáo các giao dịch giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ với các bên có liên quan năm 2024, nội dung chi tiết như Phụ lục 1 đính kèm.
2. Thông qua dự kiến các giao dịch giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ với các bên có liên quan năm 2025, nội dung chi tiết như Phụ lục 2 đính kèm.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, NPTQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Huỳnh Văn Khánh

Phụ lục 1

(Đính kèm theo Tờ trình số 262/TTr-HĐQT ngày 03/04/2025)

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số NQ/QĐ thông qua	Nội dung giao dịch	Tổng giá trị giao dịch (đồng)
1	Công ty TNHH Năng lượng REE	Người có liên quan của Ông Nguyễn Quang Quyền	0316514160 cấp ngày 30/09/2020, nơi cấp: Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh	364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP. HCM	22/06/2023		02 khoản chi trả cổ tức	169.601.974.420
2	Tổng Công ty phát điện 2- Công ty cổ phần	Công ty mẹ	1800590430, cấp ngày 01/07/2021, Sở KH&ĐT thành phố Cần Thơ	Số 01 đường Lê Hồng Phong, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ			02 khoản chi trả cổ tức	206.528.744.500
3	Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	Công ty mẹ cấp cao nhất	0100100079	Số 11 phố Cửa Bắc, phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam			05 khoản cung cấp dịch vụ quản lý vận hành Nhà máy thủy điện Thác Mơ mở rộng	9.447.738.253
4	Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	Công ty con	5800581747, cấp ngày 13/07/2023, Sở KH&ĐT tỉnh Lâm Đồng	231 đường Âu Cơ, xã Lộc Nga, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng				28.774.396.918
							04 khoản thu nợ gốc cho vay đến hạn	14.640.000.000
							04 khoản thu lãi cho vay	3.158.396.918
							01 khoản thu cổ tức	10.976.000.000

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số NQ/QĐ thông qua	Nội dung giao dịch	Tổng giá trị giao dịch (đồng)
5	Công ty Cổ phần Thủy điện Đắkrosa	Công ty con	5900189597, cấp ngày 13/07/2023, Sở KH&ĐT tỉnh Gia Lai	117 Lê Đại Hành, P. Đống Đa, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai				9.245.253.400
							01 khoản cung cấp dịch vụ thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị	115.056.000
							03 khoản mua dịch vụ sửa chữa bảo dưỡng tổ máy	322.000.000
							01 khoản thu cổ tức	8.808.197.400
6	Công ty Cổ phần Cơ điện Điện lực Đồng Nai	Công ty EVN gián tiếp kiểm soát	3601373509, cấp ngày 28/02/2023, Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Nai	Số 1 đường Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai				325.000.000
							01 khoản thu cổ tức	105.000.000
							01 khoản mua dịch vụ lọc dầu online máy biến áp	220.000.000

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số NQ/QĐ thông qua	Nội dung giao dịch	Tổng giá trị giao dịch (đồng)
7	Công ty Thủy điện Tuyên Quang	Chi nhánh EVN	0100100079-068	Số 403 đường Trường Chinh, Phường Ý La, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang			Cung cấp dịch vụ cài đặt phần mềm Quản lý kế hoạch	25.089.606
8	Công ty Mua bán điện	Chi nhánh EVN	0100100079-073	Số 11 phố Cửa Bắc, phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam			12 khoản bán điện	644.089.705.084
9	Công ty Viễn thông điện lực và Công nghệ thông tin	Chi nhánh EVN	0100100079-010	Số 11 phố Cửa Bắc, phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam			Mua dịch vụ bảo trì phần mềm	304.583.145
10	Tổng Công ty Điện lực Miền Nam (EVNSPC)	Công ty con của EVN	0300942001, cấp ngày 07/04/2010, Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh	72 Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh				174.943.304
							02 khoản mua dịch vụ kiểm định công tơ	137.219.230
							02 khoản chi phí đào tạo	37.724.074

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số NQ/QĐ thông qua	Nội dung giao dịch	Tổng giá trị giao dịch (đồng)
11	Công ty Điện lực Bình Phước - Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Chi nhánh EVNSPC	0300942001-011	Số 905 Quốc lộ 14, Khu phố 1, phường Tiến Thành, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước			12 khoản mua điện	4.274.165.732
12	Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty con của EVN	0300951119, cấp ngày 22/08/2022, Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh	35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh			07 khoản mua dịch vụ thí nghiệm mẫu dầu	192.239.355
13	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	Công ty con của EVN	0300420157, cấp ngày 05/12/2022, Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh	32 Ngõ Thời Nhiệm, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh			01 khoản mua dịch vụ quan trắc bồi lắng lòng hồ	406.481.481
14	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	Công ty con của EVN	0301475102, cấp ngày 18/01/2024, Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh	32 Ngõ Thời Nhiệm, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh				4.417.777.778
							01 khoản mua dịch vụ tư vấn đánh giá tổ máy sau 27 năm vận hành	3.488.888.889
							01 khoản mua dịch vụ kiểm định an toàn đập	928.888.889

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số NQ/QĐ thông qua	Nội dung giao dịch	Tổng giá trị giao dịch (đồng)
15	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	Công ty con của EVN	4200385474, cấp ngày 26/06/2023, Sở KH&ĐT tỉnh Khánh Hòa	11 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa			01 khoản mua dịch vụ kiểm định an toàn đập	619.259.259
16	Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh	Nguyễn Quang Quyền là người đại diện pháp luật của Công ty TNHH Điện gió REE Trà Vinh	2100673348, nơi cấp: Sở KH&ĐT tỉnh Trà Vinh	Khu nhà điều hành Nhà máy điện gió số 3 - tại vị trí V1-3, ấp Nhà Mát, xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh			01 khoản cung cấp dịch vụ thí nghiệm, bảo dưỡng định kỳ thiết bị điện	599.031.109
17	Công ty Thủy điện Sông Bung	Chi nhánh Công ty mẹ	1800590430-007	143 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng			01 khoản cung cấp dịch vụ	382.754.043

Phụ lục 2

(Đính kèm theo Tờ trình số 262/TTr-HĐQT ngày 03/04/2025)

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngay cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số NQ/QĐ thông qua	Nội dung giao dịch	Tổng giá trị giao dịch dự kiến (đồng)
1	Công ty Mua bán điện	Chi nhánh EVN	0100100079-073	Số 11 phố Cửa Bắc, phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Năm 2025		Bán điện	644.089.705.084

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
Về việc lựa chọn đơn vị thực hiện soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng và
kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Kính trình Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22 tháng 6 năm 2023;

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua các đề xuất và kiến nghị như sau:

1. Thông qua danh sách đơn vị thực hiện soát xét báo cáo tài chính 6 tháng và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ là các đơn vị kiểm toán độc lập thuộc Danh sách doanh nghiệp kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2025 theo Quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và đảm bảo các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Giao Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ thực hiện các thủ tục lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính theo quy định pháp luật.

Tờ trình này thay thế cho Tờ trình số 06/TTr-BKS ngày 01/4/2025. Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- NPTQT;
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Lê Nguyễn Khánh Linh

DỰ THẢO

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22/06/2023;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ số 01/BB-ĐHĐCĐ ngày 27/06/2025,

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch năm 2025 của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ, nội dung chi tiết như Tờ trình số .../TTr-HĐQT ngày .../06/2025 của Hội đồng quản trị Công ty.

✓ *Số cổ phần biểu quyết tán thành: ... CP, chiếm tỷ lệ ...%.*

Điều 2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán với nội dung chi tiết Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán đính kèm.

✓ *Số cổ phần biểu quyết tán thành: ... CP, chiếm tỷ lệ ...%.*

Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ năm 2024.

✓ *Số cổ phần biểu quyết tán thành: ... CP, chiếm tỷ lệ ...%.*

Điều 4. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ năm 2024.

✓ *Số cổ phần biểu quyết tán thành: ... CP, chiếm tỷ lệ ...%.*

Điều 5. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận và chính sách chi trả cổ tức năm 2024 với nội dung chi tiết như Tờ trình số .../TTr-HĐQT ngày .../06/2025 của Hội đồng quản trị Công ty.

✓ *Số cổ phần biểu quyết tán thành: ... CP, chiếm tỷ lệ ...%.*

Điều 6. Thông qua Báo cáo tiền lương, thù lao năm 2024 và dự kiến tiền lương, thù lao năm 2025 của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty Cổ phần

Thủy điện Thác Mơ nội dung chi tiết như Tờ trình số .../TTr-HĐQT ngày .../06/2025 của Hội đồng quản trị Công ty.

✓ *Số cổ phần biểu quyết tán thành: ... CP, chiếm tỷ lệ ...%.*

Điều 7. Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 cho Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ, nội dung chi tiết như Tờ trình số 10/TTr-BKS ngày 02/06/2025 của Ban kiểm soát Công ty.

✓ *Số cổ phần biểu quyết tán thành: ... CP, chiếm tỷ lệ ...%.*

Điều 8. Thông qua các giao dịch giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ với các bên có liên quan năm 2024 và dự kiến năm 2025 với nội dung chi tiết như Tờ trình số .../TTr-HĐQT ngày .../06/2025 của Hội đồng quản trị Công ty.

✓ *Số cổ phần biểu quyết tán thành: ... CP, chiếm tỷ lệ ...%.*

Điều 9. Thông qua các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (nếu có).

✓ *Số cổ phần biểu quyết tán thành: ... CP, chiếm tỷ lệ ...%.*

Điều 10. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 27/06/2025. Giao cho Hội đồng quản trị Công ty có trách nhiệm chỉ đạo Ban điều hành tổ chức, triển khai thực hiện thành công các nội dung của Nghị quyết.

Nơi nhận:

- Toàn thể cổ đông qua website;
- Hội đồng Quản trị;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: Thư ký Công ty.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

Huỳnh Văn Khánh

**QUY CHẾ BẦU CỬ
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ,

Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thủy điện Thác Mơ (Công ty) tiến hành họp bầu thay thế thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) theo các quy định sau:

Điều 1. Đối tượng thực hiện bầu cử

Cổ đông/ Đại diện cổ đông đến dự họp sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Điều 2. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và đảm bảo các điều kiện sau:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;

- Thành viên HĐQT công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác, nhưng không qua 05 công ty khác;

- Thành viên HĐQT không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

Điều 3. Đề cử ứng viên HĐQT

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có

quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 15% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 15% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng viên để bầu thay thế thành viên HĐQT

1. Các cổ đông đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT quy định Điều 2 và Điều 3 có thể làm hồ sơ để ứng cử, đề cử để bầu thay thế thành viên HĐQT.

2. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng viên để bầu thay thế thành viên HĐQT bao gồm:

- Thông báo đề cử hoặc ứng cử thành viên HĐQT;
- Lý lịch cá nhân;
- Một trong các giấy tờ sau: Bản sao CMTND/ Hộ khẩu thường trú (hoặc Giấy đăng ký tạm trú dài hạn), Hộ chiếu nếu là người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài;
- Các bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ chuyên môn (nếu có).

Điều 5. Lựa chọn các ứng viên

1. Dựa vào Đơn xin ứng cử và Đơn xin đề cử của các cổ đông/nhóm cổ đông, Ban tổ chức Đại hội cổ đông của Công ty sẽ lập danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện như quy định trình Đại hội cổ đông để bầu thay thế thành viên HĐQT. Chỉ những hồ sơ đề cử/ứng cử đáp ứng đủ điều kiện đề cử/ứng cử và những ứng viên đáp ứng đủ điều kiện tương ứng của thành viên HĐQT mới được đưa vào danh sách ứng cử viên công bố tại Đại hội.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên. Cơ chế đề cử hay cách thức HĐQT đương nhiệm, đề cử ứng cử viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 6. Ban kiểm phiếu

1. Ban Kiểm phiếu do Ban tổ chức đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm:

- Thông qua Quy chế bầu cử;
- Phát phiếu bầu và hướng dẫn cách thức ghi phiếu bầu;
- Tiến hành kiểm phiếu;
- Công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.

3. Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT Công ty.

Điều 7. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu; Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

a. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

Danh sách ứng cử viên thành viên HĐQT: Sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách ứng viên để bầu thành viên Hội đồng quản trị. Ban tổ chức sẽ sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu hoặc Đại hội đồng cổ đông thống nhất việc các cổ đông sẽ tự điền tên các ứng viên vào phiếu bầu do ban tổ chức phát.

Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

- Phiếu bầu được in thống nhất, có tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo mã số tham dự;
- Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền được phát đồng thời phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị theo mã số tham dự (sở hữu và được ủy quyền);
- Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban kiểm phiếu đổi phiếu bầu khác.

Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ

- Phiếu không theo mẫu quy định của Ban tổ chức Đại hội, không có dấu của Công ty;

- Phiếu gạch xoá, sửa chữa, ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được Đại hội đồng cổ đông thông nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;

- Phiếu có tổng số quyền đã biểu quyết cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số quyền được biểu quyết của cổ đông đó nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền).

b. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

- Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông; Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;

- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;

- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Tổ trưởng Ban kiểm phiếu và bầu cử công bố trước Đại hội;

- Các phiếu bầu sau khi đã kiểm được lưu giữ tại trụ sở Công ty.

Điều 8. Phương thức bầu cử, nguyên tắc trúng cử

a. Phương thức bầu cử

Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT thực hiện bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu:

- Mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu của HĐQT;

- Cổ đông có thể dồn hết tổng số phiếu bầu cho một người hoặc một số người, nhưng không quá số thành viên đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

b. Nguyên tắc trúng cử

Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên theo quy định nhưng phải đạt được số phiếu hợp lệ tương ứng với ít nhất một quyền bầu cử của cổ đông dự họp.

Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

Điều 9. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

1. Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu. Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội. Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa cuộc họp giải quyết và được ghi vào Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Quy chế này gồm có 9 Điều và được đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông để biểu quyết thông qua.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế này sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (gọi tắt là TMP), quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia họp, điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với tất cả Cổ đông/Đại diện cổ đông đang sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (gọi tắt là cổ phần) của TMP vào ngày chốt danh sách cổ đông để tham gia họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Chương II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA HỌP

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông/Đại diện cổ đông

1. Được quyền tham gia ý kiến, thảo luận, biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ TMP.

2. Tất cả các ý kiến tham gia của Cổ đông/Đại diện cổ đông đều được ghi nhận và thảo luận tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, tuy nhiên Chủ tọa có quyền cắt ngang phần trình bày ý kiến của các Cổ đông nếu thấy cần thiết. Các ý kiến chất vấn sẽ được Chủ tọa tổng hợp lại và giải đáp theo từng nội dung cụ thể.

3. Mỗi Cổ đông/Đại diện cổ đông khi tới tham dự họp phải mang theo giấy tờ tùy thân (CMND/hộ chiếu), thư mời họp; xuất trình cho Ban tổ chức cuộc họp để đối chiếu và được cấp một thẻ biểu quyết. Trên thẻ biểu quyết có ghi mã số cổ đông và số cổ phần của người tham dự. Giá trị biểu quyết của thẻ tương ứng với tỷ lệ số cổ phần mà Cổ đông/Đại diện cổ đông sở hữu trên tổng số cổ phần của tất cả các Cổ đông/Đại diện cổ đông tham dự họp.

4. Cổ đông/Đại diện cổ đông sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần biểu quyết sẽ cùng thảo luận, đóng góp ý kiến và sử dụng thẻ biểu quyết của mình để thông qua các nội dung này.

5. Cổ đông/Đại diện cổ đông đến dự họp muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại cuộc họp, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp để cho Cổ đông/Đại diện cổ đông đăng ký và hiệu lực của các biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Ban tổ chức, Ban kiểm tra tư cách cổ đông, Ban kiểm phiếu

1. Ban tổ chức cuộc họp do Hội đồng quản trị TMP quyết định thành lập. Ban tổ chức cuộc họp có trách nhiệm tổ chức, thực hiện thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo đúng thể lệ và quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ TMP.

2. Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự cuộc họp thuộc Ban tổ chức cuộc họp, có trách nhiệm tiếp nhận đăng ký, tổ chức đón tiếp, bố trí chỗ ngồi, phát tài liệu và thẻ biểu quyết cho Cổ đông/Đại diện cổ đông tham gia cuộc họp; báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông và tỉ lệ cổ đông về tham dự cuộc họp.

3. Ban kiểm phiếu do Chủ tọa cuộc họp đề cử và được Đại hội biểu quyết thông qua. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc biểu quyết, bỏ phiếu của Cổ đông/Đại diện cổ đông và tổ chức kiểm phiếu; lập Biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả trước Đại hội; giao lại Biên bản và toàn bộ phiếu biểu quyết cho Chủ tọa cuộc họp.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn Chủ tịch và Ban thư ký

1. Ban tổ chức cuộc họp đề cử Đoàn Chủ tịch và Ban thư ký để Đại hội thông qua.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

3. Chủ tọa cuộc họp tiến hành các công việc cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lệ, phản ánh được mong muốn của đa số Cổ đông/Đại diện cổ đông tham dự cuộc họp. Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của cuộc họp sẽ mang tính phán quyết.

4. Ban thư ký cuộc họp có trách nhiệm ghi chép và phản ánh trung thực, chính xác nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong Biên bản và Nghị quyết cuộc họp.

Chương III: TIẾN HÀNH HỌP

Điều 6. Điều kiện tiến hành họp

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông/Đại diện cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% số phiếu biểu quyết (danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp).

Điều 7. Cách thức tiến hành họp

Đại hội sẽ lần lượt được nghe các báo cáo theo chương trình của cuộc họp, đóng góp ý kiến, thảo luận và biểu quyết thông qua các báo cáo trên.

Điều 8. Thông qua Quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được chào bán;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý TMP;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của TMP;
- e. Tổ chức lại, giải thể TMP;
- f. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ TMP;
- g. Bầu thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát.

2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề khác còn lại được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

Điều 9. Nghị quyết và Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được Ban thư ký đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 10. Điều khoản thi hành

Quy chế này gồm 3 Chương 10 Điều, được thông qua ĐHĐCĐ ngày 29/4/2025.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
THỂ LỆ BIỂU QUYẾT
TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

Căn cứ Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ,

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

QUYẾT ĐỊNH

Thông qua Quy định Thể lệ biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (TMP) như sau:

1. Mọi Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên như: Đề cử Đoàn Chủ tịch, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu; thông qua Điều lệ sửa đổi của TMP, phương án sản xuất kinh doanh, phương án sáp nhập TMP, thông qua thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và các Nghị quyết, Quyết định khác của Đại hội đều phải biểu quyết công khai và trực tiếp.

2. Mỗi Cổ đông/Đại diện cổ đông đến dự họp có số cổ phần có quyền biểu quyết bằng tổng số cổ phần mà Cổ đông/Đại diện cổ đông đó sở hữu.

3. Các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội được thông qua và có giá trị khi:

a. Được số cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành đối với các nội dung, vấn đề:

- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được chào bán;
- Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của Công ty;
- Tổ chức lại, giải thể Công ty;

- Sửa đổi và bổ sung điều lệ Công ty;
- Bầu thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát.

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 nêu trên, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề khác còn lại được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

4. Thẻ lệ biểu quyết:

a. Mỗi Cổ đông/Đại diện cổ đông khi đến dự họp sẽ nhận được 03 “Thẻ biểu quyết”. Trên mỗi “Thẻ biểu quyết” có đóng dấu treo của TMP, có ghi mã số cổ đông và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Cổ đông/Đại diện cổ đông đó. Một thẻ sử dụng để thông qua nội dung văn kiện, các quy định thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ và một thẻ để thông qua các vấn đề khác trong chương trình họp.

b. Đối với thẻ sử dụng thông qua nội dung văn kiện và các quy định thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ sẽ được Cổ đông/Đại diện cổ đông biểu quyết bằng cách đánh dấu vào ô chọn của từng nội dung tương ứng và ký tên xác nhận. Thẻ biểu quyết này sẽ được Ban kiểm phiếu thu lại và lưu giữ tại TMP.

c. Thẻ biểu quyết còn lại sử dụng để thông qua các vấn đề khác trong chương trình họp. Cổ đông/Đại diện cổ đông sẽ thực hiện quyền biểu quyết cho từng vấn đề bằng cách giơ thẻ này. Ban kiểm phiếu sẽ đếm số thẻ đồng ý, sau đó đếm số thẻ không đồng ý và cuối cùng đếm số thẻ có ý kiến khác. Các Cổ đông/Đại diện cổ đông không giơ thẻ được xem như có ý kiến khác.

5. Trong trường hợp có ý kiến thắc mắc về kết quả biểu quyết, Chủ tọa sẽ xem xét và quyết định ngay tại cuộc họp.